

BẢN CÁO BẠCH - Công ty cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NHỰA VĨNH KHÁNH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/06/2003 và thay đổi lần thứ 15 ngày 24/05/2016)



VINH KHANH

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 40./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 07 năm 2016)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



VINH KHANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: 854 Quốc Lộ 1K, Châu Thới, Bình An, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: (84-650) 3751501 Fax: (84-650) 3751699

Website: www.vcom.com.vn; www.vinhkhanh.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

VNDIRECT
WISDOM TO SUCCESS

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39724568 Fax: (84.4) 39724600

Website: www.vndirect.com.vn.

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lương Minh Tuấn

Số điện thoại: 0650 3751501 (Số máy lẻ: 153)

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc



VINH KHANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NHỰA VĨNH KHÁNH

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/06/2003 và thay đổi lần thứ 15 ngày 24/05/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	:	VKC
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	:	7.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán	:	70.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NHỰA VĨNH KHÁNH
Địa chỉ	:	854 Quốc Lộ 1K, Châu Thới, Bình An, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại	:	(84-650) 3751501
Fax	:	(84-650) 3751699

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
Địa chỉ	:	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	:	(84-4) 39724568
Fax	:	(84-4) 39724600

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tên công ty	:	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHUẨN VIỆT
Địa chỉ	:	33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(84-8) 3 9990091/97
Fax	:	(84-8) 3 9990090

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Rủi ro đặc thù	11
4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu	13
5. Rủi ro của dự án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	14
6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	14
7. Rủi ro quản trị công ty.....	16
8. Rủi ro khác	16
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO	
BẠCH	17
1. Tổ chức chào bán.....	17
2. Tổ chức tư vấn, bảo lãnh phát hành	17
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN.....	18
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	18
2. Cơ cấu tổ chức công ty	23
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	28
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	29
6. Giới thiệu về Quá trình tăng vốn của Công ty.....	29
7. Hoạt động kinh doanh	31
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	46
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	49
10. Chính sách đối với người lao động	52
11. Chính sách cổ tức	54
12. Tình hình tài chính	54
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	60
14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	71
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	71
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	73
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	73
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	73
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	73
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	74
1. Loại cổ phiếu	74
2. Mệnh giá.....	74
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	74
4. Giá chào bán.....	74

5. Phương pháp tính giá.....	74
6. Phương thức phân phối.....	75
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	76
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	77
9. Phương thức thực hiện quyền.....	77
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	77
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	78
12. Các loại thuế có liên quan	79
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	80
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	80
1. Mục đích chào bán	80
2. Phương án khả thi.....	80
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	83
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN.....	84
1. Đơn vị tư vấn và bảo lãnh phát hành:.....	84
2. Đơn vị kiểm toán:.....	84
IX. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH	85
X. PHỤ LỤC	86
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....	86
2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu.....	86
3. Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.....	86
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, 2015 và Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2016	86
5. Phụ lục V: Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư (nếu có)	86
6. Tài liệu khác	86

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2000 – 2016	7
Hình 2: Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2016	8
Hình 3: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2016	9
Hình 4: Cơ cấu tổ chức của VKC	23
Hình 5: Cơ cấu bộ máy quản lý của VKC	24
Hình 6: Cơ cấu doanh thu của từng nhóm sản phẩm năm 2015	34

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/03/2016	28
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 31/03/2016	28
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 31/03/2016	29
Bảng 4: Quá trình tăng vốn của Công ty	29
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm năm 2014, 2015	34
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm năm 2014 – 2016	35
Bảng 7: Sản lượng sản xuất của Công ty qua các năm	35
Bảng 8: Cơ cấu Tổng doanh thu 2014 – Quý I/2016	36
Bảng 9: Một số nhà cung cấp VKC hợp tác	37
Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2014 – Quý I/2016	37
Bảng 11: Chi tiết giá vốn hàng bán của Công ty	38
Bảng 12: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất	39
Bảng 13: Các dự án đã thực hiện, tổng giá trị đầu tư	40
Bảng 14: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty	40
Bảng 15: Danh sách các hợp đồng	45
Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty trong năm 2014 – Quý I/2016	46
Bảng 17: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm tháng 03/2016	52
Bảng 18: Chính sách lương thưởng và phúc lợi của VKC	53
Bảng 19: Tình hình chi trả cổ tức hai năm gần nhất	54
Bảng 20: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty	54
Bảng 21: Mức lương bình quân hai năm gần nhất	55
Bảng 22: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty	56
Bảng 23: Chi tiết các quỹ Công ty	56
Bảng 24: Chi tiết số dư các khoản vay Công ty	56
Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu Công ty	57
Bảng 26: Chi tiết các khoản phải thu khách hàng Công ty	58
Bảng 27: Chi tiết các khoản phải trả Công ty	58
Bảng 28: Các chỉ tiêu tài chính	59
Bảng 29: Tình hình tài sản của Công ty 31/12/2015	71
Bảng 30: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty:	71
Bảng 31: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2016	72

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế. sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh nói riêng.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Nền kinh tế Thế giới năm 2016 được dự đoán là có phục hồi nhưng chưa vững chắc. Có nhiều dự báo khác nhau về tăng trưởng kinh tế thế giới nhưng đa số đều cho rằng tăng trưởng GDP thế giới năm nay sẽ khả quan hơn năm 2015. Việc nền kinh tế Thế giới phục hồi sẽ khiến việc xuất khẩu các mặt hàng thiết bị điện viễn thông nói chung và xuất khẩu cáp của VKC nói riêng được đẩy mạnh.

Theo Báo cáo được Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đưa ra ngày 23 tháng 12 năm 2015, mức dự báo tăng trưởng GDP thế giới đã được OECD hạ từ 3,6% xuống còn 3,3%¹. OECD cho rằng năm 2016 sẽ có sự phân hóa về tăng trưởng kinh tế Thế giới với hai xu hướng. Xu hướng thứ nhất được OECD chỉ ra là sự phục hồi tại các nước đang phát triển với mức tăng trưởng trung bình 2% (cao hơn mức 1% so với giai đoạn 2010 – 2014); Xu hướng thứ hai là sự giảm tốc tại các nước mới nổi với mức tăng trưởng chỉ còn khoảng 2,4% so với mức 5% giai đoạn 2010 – 2014.

Theo báo cáo “Triển vọng Kinh tế Thế giới” được điều chỉnh của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đưa ra vào ngày 19/01/2016, mức tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo là 3,6%, cao hơn mức 3,1% trong năm 2015 và tương đương trung bình 3,5% giai đoạn 1980 – 2014². IMF đánh giá nền kinh tế thế giới năm 2016 sẽ diễn biến dưới kỳ vọng và không đồng đều. Nền kinh tế toàn cầu đang bị kìm hãm bởi những yếu tố như năng suất thấp, dân số già, những triển vọng chưa rõ ràng từ việc Mỹ nâng lãi suất và sự chững lại của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là Trung Quốc. Những biến động của nền kinh tế thế giới này được cho sẽ ảnh hưởng nhiều tới các thị trường tiền tệ, hàng hóa trong năm 2016.

Giá dầu đã giảm xuống mức thấp nhất trong 11 năm qua, tác động tiêu cực tới các nước xuất khẩu dầu mỏ lớn. Bên cạnh đó, tình hình căng thẳng giữa Nga và các nước phương Tây chưa có dấu hiệu lắng xuống cũng làm nền kinh tế đôi bên chịu thiệt hại không nhỏ. Nền kinh tế Châu Âu vốn chưa thoát khỏi khó khăn lại đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng di cư từ Trung Đông, Bắc Phi và vụ tấn công khủng bố với mức độ nghiêm trọng chưa từng có. Triển vọng các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển sẽ chứng kiến nhịp độ tăng trưởng chậm hơn nhiều so với 5 năm liên tiếp vừa qua. Các nền kinh tế phát triển như Mỹ và Vương quốc Anh sẽ tiếp tục phục hồi chậm chạp và nhiều quốc gia vẫn đối mặt với sức ép giảm phát.

¹<http://bnews.vn/oecd-du-bao-tang-truong-kinh-te-the-gioi-dat-3-3-nam-2016/6298.html>

²<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/quoc-te/nhung-bien-so-cua-kinh-te-the-gioi-2016-3332909.html>

Các chuyên gia nhận định khu vực đồng tiền chung Châu Âu sẽ đạt mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung, ước tính đạt khoảng 1,4% trong năm 2016. Đối với nền kinh tế lớn nhất Châu Á là Trung Quốc, vẫn còn đề ngỏ khả năng giảm tốc trong 2 năm tiếp theo, với mức tăng trưởng 6,3% năm 2016 và 6,1% trong năm kế tiếp, thấp hơn mức 6,8% năm 2015. Với các nền kinh tế mới nổi sẽ có sự cải thiện hơn, có thể tăng trưởng 3,5% và tình hình sẽ theo hướng tốt dần lên. Mức tăng trưởng có thể đạt 4% trong giai đoạn 2016 – 2020, trước khi quay đầu giảm xuống còn 3,6% trong giai đoạn 2021 – 2025.

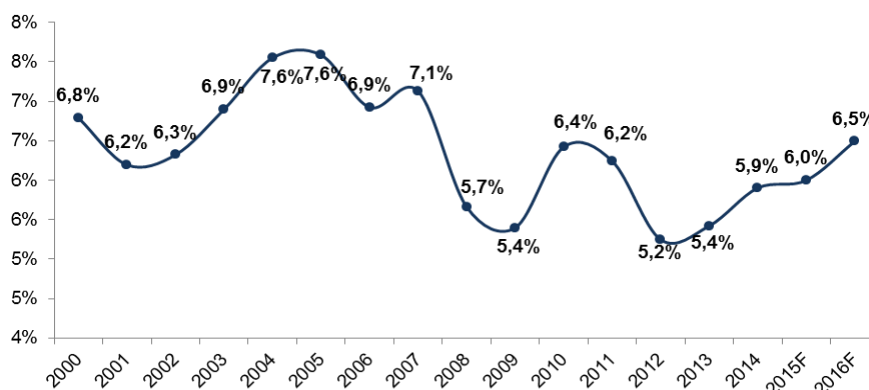
1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam sẽ có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng sẽ làm cho hoạt động sản xuất – kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.

Bên cạnh đó, sự kiện lớn nhất xảy ra trong vòng 20 năm nay tại Việt Nam (kể từ khi bình thường hóa quan hệ với Mỹ vào năm 1995) chính là Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương TPP được ký kết. Với mục đích chính là xóa bỏ các loại thuế và rào cản cho hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên, TPP sẽ đem đến nhiều cơ hội và thách thức, thậm chí là làm thay đổi cuộc chơi trong nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Thế giới nói chung.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2000 – 2016



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, BMI)

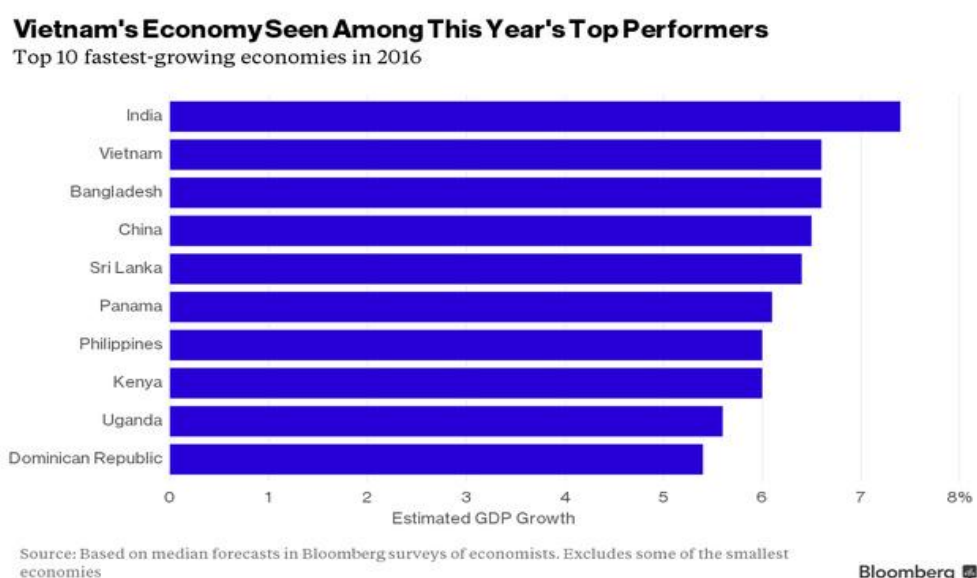
Giai đoạn 2009 – 2011, sau khi chính thức trở thành thành viên của WTO, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 5,7% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5,0% của kế hoạch. Tính chung giai đoạn, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,0%.

Đến năm 2012, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái, đặc biệt là cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu đã làm ảnh hưởng đến nền kinh tế của các nước, trong đó có Việt Nam. Điều này khiến tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2012 giảm mạnh xuống mức 5,2% so với mức 6,2% vào năm 2011.

Trước sự bất ổn của nền kinh tế Thế giới làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước, Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Những chính sách mà Chính phủ đưa ra đã phát huy tác dụng và đưa nền kinh tế Việt Nam trở lại đà tăng trưởng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2014 cũng như hãng tin kinh tế tài chính lớn nhất Thế giới Bloomberg, với mức tăng trưởng GDP 5,9% năm 2014, Việt Nam đã chính thức trở thành nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 2 Thế giới sau Trung Quốc³. Bước sang năm 2015, Việt Nam đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP 6,68%, vượt qua mục tiêu 6,2% của Chính phủ. Con số này cho thấy Việt Nam là một trong những nền kinh tế tăng trưởng mạnh nhất Đông Nam Á.

Giai đoạn 2016 – 2020, nền kinh tế được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt bởi hàng loạt yếu tố như trợ giá hàng hóa thấp, lực đẩy từ các doanh nghiệp FDI cùng với các cải cách về thể chế của nền kinh tế. Đặc biệt, theo khảo sát của Bloomberg, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam Năm 2016 sẽ đạt 6,6% xếp thứ 2 Thế giới sau Ấn Độ và lọt vào Top 10 các nước có nền kinh tế tăng trưởng cao nhất Thế giới⁴. Dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 5 năm tới sẽ ở mức 6,5% – 7%.

Hình 2: Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2016



(Nguồn: Bloomberg)

³<https://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=14188>

⁴<http://bnews.vn/viet-nam-lot-vao-top-10-nen-kinh-te-tang-truong-cao-nhat-the-gioi-nam-2016/8499.html>

Sự tăng trưởng của nền kinh tế trong nước sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành thiết bị điện tử viễn thông nói chung và VKC nói riêng. Khi nền kinh tế gặp khó khăn sẽ kéo theo sự biến động về lãi suất và lạm phát khiến giá trị tiêu thụ các sản phẩm sụt giảm theo nhu cầu tiêu dùng do giá cả tăng cao.

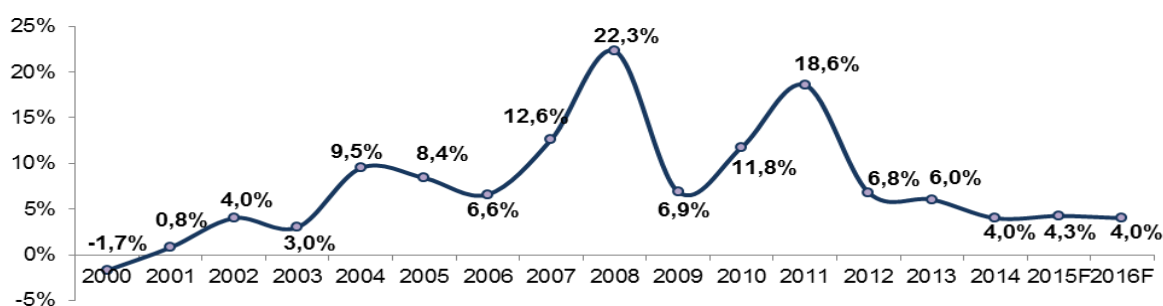
Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là thương mại sắm lẻp và sản xuất cáp viễn thông phục vụ rộng rãi cho các ngành kinh tế quốc dân cũng như cung cấp dịch vụ Internet cho hoạt động thường ngày, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc trực tiếp vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Tuy nhiên, với sự phục hồi của nền kinh tế trong nước trong năm 2014 – 2015 và những dự báo tích cực về sự tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 – 2020 sẽ khiến hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại dịch vụ trở nên sôi động với mạng lưới phân phối được mở rộng, giúp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát triển hơn.

1.3. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%.

Hình 3: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2016



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, BMI)

Đỉnh điểm lạm phát tại Việt Nam là 22,3% vào năm 2008 là do khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái trong ngành ngân hàng vào giai đoạn 2008 – 2010. Ngay sau đó, Chính phủ đã nới lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để đối đầu với những vấn đề kinh tế trong giai đoạn 2011 – 2013. Từ năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,8%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đặt ra từ đầu năm.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định hơn so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012. Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, lạm phát năm 2013 được kiềm chế, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2013 tăng 6,0%, thấp nhất trong 10 năm qua và đạt mục tiêu của Chính phủ đề ra là khoảng 8% so với năm 2012. Giai đoạn 2014 – 2015, lạm phát đã được kiềm chế ở mức 4,0% và dự báo con số này sẽ được tiếp tục duy trì trong năm 2016.

Hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất như Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh luôn chịu tác động trực tiếp của lạm phát. Sự biến động của tỷ lệ lạm phát ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào của VKC, trong đó chủ yếu là đồng nguyên liệu và hóa chất. Do nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty

nên sự thay đổi giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động tới lợi nhuận của VKC. Để hạn chế sự ảnh hưởng của lạm phát tới giá nguyên vật liệu, Công ty luôn chủ động lập kế hoạch sản xuất cũng như mua nguyên vật liệu dựa trên đơn đặt hàng của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức thực nghiệm nghiên cứu đưa ra đánh giá về biến động giá nguyên vật liệu để có mức dự trữ tối ưu và hợp lý hóa quy trình sản xuất để hạn chế hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

1.4. Lãi suất

Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giảm từ 0,2% – 0,5%. Dù không đạt được như kỳ vọng đầu năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng mặt bằng lãi suất này cũng đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ. Theo thông tin về hoạt động ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đưa ra vào tháng 3/2016, mức lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2015 là từ 6,8% – 9%/năm và kỳ hạn trung hạn là từ 9,3% – 11%/năm. Mức lãi suất cho vay của một số chương trình ưu tiên giảm nhẹ xuống khoảng 6,5% – 6,6%/năm. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định trong năm vừa qua. Lãi suất kỳ hạn ngắn (từ dưới 1 tháng) có xu hướng giảm nhẹ, trong khi lãi suất kỳ hạn dài hơn (từ trên 3 tháng) có xu hướng tăng nhẹ. Nếu như thanh khoản trong năm 2014 là rất dồi dào thì thanh khoản hệ thống năm nay có chiều hướng giảm nhẹ, thể hiện qua hiện tượng lãi suất liên ngân hàng trong ngắn hạn đôi lúc biến động mạnh. Đây là hệ quả tất yếu của áp lực tỷ giá xuất hiện với cường độ mạnh.

Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mặt bằng lãi suất trong năm 2016 sẽ ổn định trong xu hướng tăng dần với mức tăng có thể lên tới 0,5%. Tăng trưởng tín dụng có thể đạt khoảng 18% – 20%. Cơ sở cho dự đoán dựa trên kỳ vọng lạm phát gia tăng trong năm 2016, nhu cầu vốn phát hành trái phiếu Chính phủ và sự kiện FED thay đổi lãi suất USD vào thời điểm tháng 12/2015.

Trong các năm 2013 – 2015 VKC có các khoản vay và nợ tài chính ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại như ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC; Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam... phục vụ nhu cầu bổ sung vốn lưu động của Công ty. Năm 2015, khoản vay và nợ tài chính ngắn hạn của Công ty là 227.620.576.650 đồng (giảm 1.279.585.787 đồng so với năm 2014). Đa phần, lãi suất đi vay mà VKC phải chịu đều được quy định cụ thể tại các khế ước nhận nợ của Công ty với từng ngân hàng – nơi Công ty tiến hành vay vốn. Tuy nhiên, lãi suất đi vay của VKC tại một số ngân hàng lại phụ thuộc vào thời điểm giải ngân vốn hoặc thời điểm nhận tiền vay. Điều này sẽ khiến Công ty phải đối mặt với rủi ro biến động của chi phí lãi vay do thay đổi lãi suất tại từng thời điểm cụ thể.

1.5. Tỷ giá

Rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ. Tỷ giá là một trong những điểm nóng vĩ mô năm 2015 khi thị trường tài chính toàn cầu chứng kiến nhiều sự kiện bất thường. Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thông báo ba lần phá giá đồng VND và hai lần điều chỉnh biên độ giao dịch. Lần điều chỉnh cuối cùng trong năm

2015 vào ngày 19/8 được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đưa ra bao gồm phá giá VND thêm 1% và nâng biên độ giao dịch lên +/-3% từ mức +/-2% trước đó.

Sự bất ổn của tỷ giá đã khiến cho các doanh nghiệp nói chung và VCOM nói riêng phải gánh thêm chi phí hoạt động tài chính từ hoạt động lỗ do chênh lệch tỷ giá.

Đến thời điểm gần nhất đầu năm 2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ra quyết định về việc công bố tỷ giá trung tâm của VND với USD, tỷ giá tính chéo của VND với một số ngoại tệ khác.

Tuy nhiên, nhờ tăng trưởng tích cực, cũng như việc xoay chuyển trọng tâm điều hành chính sách tiền tệ sang tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên năm 2016 sẽ là năm Việt Nam có tỷ giá tương đối ổn định so với các đồng tiền khác trong khu vực.

Đối với VKC khi thực hiện giao dịch có gốc ngoại tệ, Công ty phải chịu rủi ro do biến động tỷ giá mang lại. Trong năm 2015 Công ty ghi nhận một số giao dịch được thực hiện có gốc ngoại tệ như tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam hay tiền vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC; Ngân hàng Natixis; Ngân hàng Malayan Banking Berhad. Những khoản vay có gốc ngoại tệ này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí tài chính của Công ty, khiến Công ty phải chịu rủi ro đối với cả lãi suất đi vay lẫn sự biến động của tỷ giá. Việc tỷ giá gia tăng còn dẫn tới giá nguyên vật liệu phục vụ sản xuất tăng khiến chi phí đầu vào của Vĩnh Khánh tăng cao. Do đó, để hạn chế rủi ro do biến động lớn của giá nguyên vật liệu, Công ty thường ký hợp đồng mua đồng nguyên liệu với các nhà cung cấp theo giá đồng bình quân của tháng tại Sàn giao dịch kim loại Luân Đôn (London Metal Exchange LME) song song với việc chốt giá sản phẩm đầu ra cũng theo tỷ giá tại Sàn này. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng chính sách trả trước đối với các sản phẩm xuất khẩu đầu ra để thu về nguồn ngoại tệ trong thời gian sớm, nguồn ngoại tệ này cũng được dùng để thanh toán cho các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào. Song song đó, Vĩnh Khánh còn ký kết các hợp đồng kỳ hạn về tỷ giá và hợp đồng tương lai nhằm đảm bảo giá nhập nguyên vật liệu và giá bán thành phẩm ổn định qua các thời kỳ.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần nên mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro này, VKC luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty cũng như cụ thể hóa trong quy định, chính sách nội bộ của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro ngành

Với đặc thù của ngành sản xuất thiết bị thông tin viễn thông, CTCP Cáp Nhựa Vĩnh Khánh phải đối mặt với một số rủi ro như:

Rủi ro về thay đổi công nghệ: Biến động trong việc phát triển kinh tế sẽ ảnh hưởng và làm thay đổi công nghệ viễn thông của đất nước, từ đó kéo theo sự thay thế công nghệ quang cho công nghệ cáp đồng. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ cáp đồng của VKC. Do vậy, VKC phải thường xuyên nghiên cứu và cập nhật những công nghệ tiên tiến phục vụ nhu cầu công nghệ luôn thay đổi. Một trong những sự chuyển đổi công nghệ sản xuất được VKC áp dụng là chuyển từ sản xuất cáp thoại viễn thông sang cáp mạng LAN (Local Area Network) nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, VKC cũng tiến hành đầu tư dây chuyền máy sản xuất cáp quang, bắt kịp kế hoạch quang hóa “FTTH” (Fiber to the Home).

Rủi ro biến động giá nguyên liệu: Chi phí nguyên vật liệu đầu vào luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của VKC, trong đó chủ yếu là đồng nguyên liệu và hóa chất. Do vậy, sự biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào sẽ tác động trực tiếp tới lợi nhuận của Công ty. Những biến động của giá nguyên vật liệu thường bắt nguồn từ tình hình kinh tế, chính trị thế giới kéo theo nhu cầu tiêu thụ và dự trữ đồng của các nước lớn trên Thế giới diễn biến phức tạp. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất trong ngành công nghệ viễn thông nói chung và VKC nói riêng phải chuẩn bị những kế hoạch cụ thể để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của thị trường trong nước. Để đối phó với rủi ro biến động giá nguyên vật liệu, VKC đã sử dụng một số biện pháp như lập kế hoạch sản xuất, thu mua nguyên vật liệu tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng, đồng thời thường xuyên tổ chức đánh giá sự biến động giá nguyên vật liệu trên thế giới làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu.

3.2. Rủi ro của Công ty

Rủi ro trong kinh doanh bán hàng: Hiện nay các mảng kinh doanh đem lại doanh thu chủ yếu cho VKC là thương mại vô xe, kinh doanh ống nhựa và cáp viễn thông. Đối với lĩnh vực kinh doanh ống nhựa, khách hàng chủ yếu hiện tại của Công ty là các công ty bưu chính viễn thông, công ty điện lực và công ty cấp thoát nước là các công ty nhà nước. Tuy nhiên, với tình hình cắt giảm ngân sách của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay có thể sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới doanh số ngành ống nhựa của VKC. Để giảm thiểu rủi ro này, song song với việc duy trì phát triển các khách hàng công trình, VKC đã chủ động tập trung xây dựng hệ thống đại lý phân phối ống nhựa dân dụng. Đây là đối tượng khách hàng được VKC đánh giá sẽ đem lại doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty trong tương lai.

Đối với lĩnh vực cáp và vật liệu viễn thông, Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) là khách hàng tiêu thụ sản phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu của các công ty cáp và vật liệu viễn thông. Tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm cao của VNPT khiến thị trường cáp đồng của Việt Nam chưa có đủ các yếu tố của thị trường cạnh tranh và phụ thuộc nhiều vào chính sách mua hàng của người mua. Do vậy, VKC đã và đang mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tới các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác như FPT, và xuất khẩu ra thị trường ngoài nước như Nhật Bản, Mỹ, Philippin... Đồng thời, với sản phẩm mới cáp mạng LAN, công ty định hướng phát triển thị trường OEM xuất khẩu (sản phẩm nước ngoài gia công nội địa) và mở rộng hệ thống phân phối trong nước để đa dạng hóa khách hàng, gia tăng doanh số và lợi nhuận.

Rủi ro cạnh tranh: Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng nhiều bởi các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề, đặc biệt đối với sản phẩm nhựa. Tính trên cả nước hiện

có khoảng gần 1.500 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động, trong đó doanh nghiệp trong nước chiếm tỷ lệ 85%. Trong năm 2016, nhà nước thoái vốn tại nhiều doanh nghiệp nhựa như Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền phong, Nhựa Bình Minh..., sẽ làm mức tổng đầu tư toàn ngành nhựa thay đổi mạnh theo hướng doanh nghiệp ngoại ngày càng chiếm ưu thế. Bên cạnh đó, so sánh với ngành nhựa tại một số quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan hay Malaysia thì có trình độ sản xuất cao hơn với các sản phẩm thân thiện môi trường, cũng làm tăng tính cạnh tranh trong ngành này. Trên lĩnh vực cáp, một số công ty cùng ngành đã triển khai các sản xuất cáp viễn thông như Sacom, Cáp Sài Gòn, Taihan-Sacom, Thăng Long, Thiên Thành, Việt Hàn ... tạo ra một môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Để giảm thiểu tác động của những rủi ro này, Công ty đã chuyển hướng kinh doanh đối với ngành nhựa, chủ yếu sử dụng để phục vụ cho nhu cầu nội bộ như để sản xuất cáp, nhằm tận dụng tối ưu nguồn nhựa sẵn có và tiết giảm chi phí. Bên cạnh đó, công ty cũng không ngừng tập trung nghiên cứu đổi mới để đưa ra thị trường sản phẩm cáp quang với chất lượng cao nhằm phục vụ cho thị trường trong và ngoài nước.

Rủi ro nhân sự: Nguồn nhân lực trên thị trường lao động Việt Nam tuy dồi dào nhưng với đặc thù của ngành sản xuất thiết bị viễn thông đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, kỹ năng tốt. Điều này khiến Công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm, tuyển dụng lao động chất lượng cao, đặc biệt là kỹ sư công nghệ, kỹ sư tự động hóa, công nhân kỹ thuật được đào tạo bài bản từ các trường đại học chuyên ngành trong nước. Do vậy Công ty đã chú trọng trong chính sách đào tạo, đãi ngộ để tránh biến động về nhân sự, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh.

4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu

Trong tình hình điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn, thị trường chứng khoán bất ổn đã khiến các nhà đầu tư thận trọng hơn trong các quyết định của mình. Những yếu tố trên ảnh hưởng trực tiếp tới quan hệ cung – cầu của thị trường, kéo theo tác động tới giá của cổ phiếu. Đối với VKC, việc chào bán cổ phiếu ra công chúng khiến lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng tới thành công của đợt chào bán cũng như giá cổ phiếu của Công ty sau này.

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức chào bán, tâm lý của các nhà đầu tư..., vì vậy, có thể xảy ra rủi ro không bán hết số cổ phiếu dự định chào bán.

Đây là một đợt phát hành mà rủi ro xảy ra là rất thấp vì VKC đã có đơn vị bảo lãnh phát hành với hình thức cam kết chắc chắn. Hơn nữa, VKC đã đưa ra phương án phát hành cổ phiếu nhận được sự đồng thuận cao của các cổ đông. Trong trường hợp số cổ phần còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết và số cổ phiếu còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác (nếu có) sẽ được HĐQT phân phối cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo số cổ phần được chào bán hết. Nếu sau khi phân phối cho các Nhà đầu tư khác mà VKC vẫn không phân phối được hết số cổ phiếu chào bán thì đơn vị bảo lãnh phát hành sẽ mua toàn bộ số cổ phần chưa phân phối hết này.

5. Rủi ro của dự án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu là 84.000.000.000 đồng sẽ được Công ty dùng để thực hiện cho các mục đích: Xây dựng Kho lưu trữ vỏ xe với diện tích 1.500 m²; Cải tạo, sửa chữa Xưởng Cáp và Xưởng Nhựa; Bổ sung vốn lưu động để thanh toán cho các khoản nợ vay từ Hợp đồng vay ngắn hạn và mua nguyên vật liệu để sản xuất các sản phẩm kinh doanh của Công ty như cáp quang, cáp đồng, cáp LAN, ống nhựa, bobin, Hộp ODF, và các sản phẩm khác.

Trong trường hợp cổ phần không chào bán hết và số lượng vốn huy động được không đạt đúng như dự kiến, thì Công ty sẽ ưu tiên Đầu tư Xây dựng kho lưu trữ vỏ xe và cải tạo sửa chữa xưởng cáp hoặc giảm tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục nêu trên hoặc sử dụng các nguồn vốn huy động khác; Hoặc HĐQT Công ty sẽ tiến hành cân nhắc và điều chỉnh tiến độ triển khai dự án cũng như huy động các nguồn vốn vay ngân hàng để bù đắp. Tuy nhiên, việc huy động nguồn vốn vay ngân hàng sẽ khiến Công ty phải đối mặt với rủi ro lãi suất khiến chi phí tài chính tăng thêm do phần lớn vốn của Công ty vẫn còn phải vay ngân hàng nhiều, mặc dù chi phí lãi vay năm 2015 đã có giảm so với năm 2014 (~ 0,9 tỷ đồng) và giảm nhiều so với kế hoạch đưa ra 2015 (~ 5,9 tỷ đồng). Bên cạnh đó, việc không chủ động được nguồn vốn đầu tư sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ triển khai dự án. Những rủi ro này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của Công ty.

6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền, (ii) rủi ro pha loãng EPS, (iii) rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần và (iv) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

(i) Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = (PR_{t-1} \times a) + (PR \times b) / (a+b)$$

Trong đó:

- P_{tc} : Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành tăng vốn
- PR_{t-1} : Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền
- PR : Giá phát hành
- a : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- b : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

Trong trường hợp giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhỏ hơn mệnh giá thì giá thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

Giả sử, tại ngày giao dịch liền kề trước ngày giao dịch không hưởng quyền (phát hành 7.000.000 cổ phiếu ra công chúng với tỷ lệ 13:7, giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu), giá

thị trường của cổ phiếu là 15.400 đồng/cổ phiếu. Như vậy, giá tham chiếu Ptc tại ngày giao dịch không hưởng quyền của cổ phiếu Công ty là:

$$P_{tc} = (15.400 * 13.000.000) + (12.000 * 7.000.000) / (13.000.000 + 7.000.000) = 14.210 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Do việc pha loãng cổ phiếu từ đợt phát hành thêm cổ phiếu mới với tỷ lệ 13:7, giá trị thị trường cổ phiếu của Công ty được điều chỉnh từ 15.400 đồng/cổ phiếu xuống 14.210 đồng/cổ phiếu (điều chỉnh giảm 1.190 đồng/cổ phiếu). Những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng hay giảm giá mạnh sẽ được hạn chế nếu sau đợt chào bán, VKC sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.

(ii) Rủi ro pha loãng EPS

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau: $EPS_{\text{pha loãng}} = E / Q_{bq}$

Trong đó:

$EPS_{\text{pha loãng}}$: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq} : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau phát hành)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

Giả định ngày hoàn tất đợt phát hành của Công ty là 30/09/2016:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phiếu phổ thông} \\ \text{đang lưu hành bình quân trong} \\ \text{kỳ (năm 2016)} \end{array} = \frac{13.000.000 * 9 + 20.000.000 * 3}{12} = 14.750.000 \text{ cổ phiếu}$$

Giả định tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2016 là 44.000.000.000 đồng, khi đó:

$$\begin{array}{l} \text{EPS năm 2016 trước phát} \\ \text{hành là} \end{array} = \frac{44.000.000.000}{13.000.000} = 3.385 \text{ (đồng/cổ phiếu)}$$

$$\begin{array}{l} \text{EPS năm 2016 sau phát} \\ \text{hành là} \end{array} = \frac{44.000.000.000}{14.750.000} = 2.983 \text{ (đồng/cổ phiếu)}$$

Với những giả định trên, có thể thấy EPS năm 2016 của Công ty giảm 11,87% so với trước khi phát hành thêm cổ phiếu. Mục đích phát hành thêm cổ phiếu của Công ty là để “Xây dựng nhà kho lưu trữ vỏ xe, cải tạo sửa chữa Xưởng cáp và xưởng nhựa, Bổ sung vốn lưu động” nên EPS có thể giảm trong năm đầu khi dự án đang triển khai. Sau khi việc xây dựng hoàn thành, việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ kỳ vọng đem lại EPS cao hơn cho cổ đông.

(iii) Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau: $BV = NVCSH / (Q-CPQ)$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã phát hành

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 13:7 thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2016 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

Tại thời điểm 31/12/2015 nguồn vốn chủ sở hữu là 170.104.482.268 đồng, giả sử tại thời điểm 31/12/2016 nguồn vốn chủ sở hữu là 239.081.405.548 đồng, Công ty dự kiến phát hành 7.000.000 cổ phiếu:

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	170.104.482.268	239.081.405.548
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	20.000.000
Giá trị sổ sách (đồng)	13.085	11.954

(iv) Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông đang sở hữu).

7. Rủi ro quản trị công ty

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu nhất, giảm thiểu tối đa rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thiết bị thông tin viễn thông đã hơn 20 năm và đã phần nào tạo lập được uy tín vững chắc trên thị trường dựa trên nền tảng đội ngũ quản lý có nhiều năm kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Công ty. Để có thể phát triển hơn nữa, Công ty cũng tập trung tuyển dụng nguồn nhân lực kỹ thuật được đào tạo từ các trường đại học trong nước, nâng cao chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, cùng chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì đội ngũ nhân sự ổn định.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHĐCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

8. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến tình hình sản xuất chung của VKC.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức chào bán

Ông : **Lâm Quy Chương** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông : **Dương Minh Hòa** Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông : **Lê Minh Chi** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn, bảo lãnh phát hành

Đại diện: Ông **Nguyễn Hoàng Giang**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành số 03/2016/HĐTV/VNDIRECT ký ngày 04/05/2016 và Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký ngày 02/06/2016 với Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, nhóm từ

Công ty, VKC, VCOM, Vĩnh Khánh
CBNV
HĐQT
HNX
ĐKKD
ĐKDN
ĐHĐCĐ
BCTC
BKS
CP
SXKD
TMCP
TNHH
TTCK
VSD
UBCKNN


Diễn giải

Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh
Cán bộ nhân viên
Hội đồng quản trị
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Đăng ký kinh doanh
Đăng ký doanh nghiệp
Đại hội đồng cổ đông
Báo cáo tài chính
Ban kiểm soát
Cổ phần
Sản xuất kinh doanh
Thương mại cổ phần
Trách nhiệm hữu hạn
Thị trường chứng khoán
Trung tâm lưu ký chứng khoán
Ủy ban chứng khoán nhà nước

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức chào bán

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NHỰA VĨNH KHÁNH
Tên giao dịch quốc tế	: VINH KHANH CABLE PLASTIC CORPORATION
Tên viết tắt	: VKC
Trụ sở chính	: Số 854 Quốc Lộ 1K, Khu Phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại	: (84-650) 3 751 501
Fax	: (84-650) 3 751 699
Website	: http://www.vcom.com.vn ; www.vinhkhanh.com.vn
Logo	: 
Giấy CNĐKKD	: Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/06/2003 và thay đổi lần thứ 15 ngày 24/05/2016
Vốn điều lệ hiện tại	: 130.000.000.000 (Một trăm ba mươi tỷ đồng)
Vốn thực góp hiện tại	: 130.000.000.000 (Một trăm ba mươi tỷ đồng)
Tài khoản ngân hàng	: 0411001033726
Nơi mở	: Vietcombank - Chi nhánh Nam Bình Dương

Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo giấy chứng nhận ĐKDN 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/06/2003, thay đổi lần thứ 15 ngày 24/05/2016, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành
01	Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại.	2220 (chính)
02	Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại.	2630
03	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	5210

TT	Tên ngành	Mã ngành
	(Trừ than đá).	
04	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học.	2731
05	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác.	2732
06	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại.	2733
07	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.	1629
08	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.	4543
09	Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới.	4610
10	Sản xuất linh kiện điện tử.	2610
11	Sản xuất các loại dây bện và lưới.	1324
12	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. (Trừ bán buôn dược phẩm).	4649
13	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.	4652
14	Bán buôn kim loại và quặng kim loại.	4662
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.	4663
16	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh.	4742
17	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.	4322
18	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.	7730
19	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	4530
20	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế.	4659
21	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn Bột màu công nghiệp, hoá chất cơ bản (Trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).	4669
22	Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại.	2750
23	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: Sửa chữa, bơm vá săm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế	4542

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

- 1993 Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh thành lập ngày vào năm 1993 tại tỉnh Bình Dương (trước nay là tỉnh Sông Bé) với tên gọi ban đầu là Xí nghiệp Tư Doanh Cao Su Nhựa Vĩnh Khánh. Lĩnh vực hoạt động chính của Vĩnh Khánh là sản xuất và kinh doanh ống nhựa phục vụ ngành bưu chính viễn thông.
- 1995 Xí nghiệp đổi tên thành Công ty TNHH Vĩnh Khánh với vốn điều lệ 5,3 tỷ đồng theo Giấy phép thành lập số 396/GB.UB số phát hành 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05/12/1995 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sông Bé cấp.
- 1997 Công ty tăng vốn điều lệ lên 8,7 tỷ đồng, bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh, đầu tư vào ngành Viễn thông, bắt đầu là sản xuất dây điện thoại thuê bao (dropwire).
- 1999 Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, Vĩnh Khánh là một trong những doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tiên phong trong việc đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002:2008.
- 2002 Với những nỗ lực phấn đấu và vươn lên trong suốt 05 năm, Vĩnh Khánh được Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa ASEAN tuyên dương là “Đơn vị tiêu biểu 05 năm liền 1997 – 2001” (Top 60). Tiếp theo thành tích đó, Vĩnh Khánh tiếp tục nhận được bằng khen “Doanh nghiệp xuất sắc 05 năm liền 1997 – 2002” (Top 24) do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam trao tặng vì tốc độ tăng trưởng 15% - 25% trên các mặt doanh thu, lợi nhuận, nộp Ngân sách Nhà nước và mức tăng tiền lương cho người lao động.
- 2003 Vĩnh Khánh đã chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên Công ty Cổ phần Vĩnh Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 ngày 02/06/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, với vốn điều lệ là 85 tỷ đồng. Đây là năm mà Vĩnh Khánh có những bước phát triển vượt bậc và những cải cách mang tính bước ngoặt với những kế hoạch sắp xếp, tinh giản cơ cấu ngành nghề kinh doanh theo hướng hiệu quả hơn.
- 2005 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cáp – Nhựa Vĩnh Khánh, với vốn điều lệ tăng lên 85 tỷ đồng. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ năm 2003 đến năm 2007 đã liên tục ghi nhận những con số doanh thu ấn tượng, cụ thể tăng từ 141 tỷ đồng (năm 2004) lên 235 tỷ đồng (năm 2005), 523 tỷ đồng (năm 2006), 598 tỷ đồng (năm 2007).
- 2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 105 tỷ đồng sau khi phát hành cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên. Vĩnh Khánh cũng tự hào là một trong những nhà máy sản xuất cáp lớn nhất Việt Nam. Đặc biệt, năm 2007 và 2008, Vĩnh Khánh được vinh dự nằm trong Top 500 Doanh Nghiệp Lớn Nhất Việt Nam do Vietnam Report Vietnamnet chứng nhận.
- 2008 Do sự chuyển đổi công nghệ từ sử dụng cáp đồng sang cáp quang trong ngành viễn thông, Vĩnh Khánh quyết định đầu tư nghiên cứu và triển khai sản xuất sản phẩm mới – cáp mạng LAN (Local Area Network) và trở thành doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất các mặt hàng cáp mạng LAN loại Slim và Flat, phục vụ cho thị trường xuất khẩu. Sản phẩm của Công ty đạt 06 tiêu chuẩn quốc tế và được đối tác Nhật Bản tin tưởng ký hợp đồng cung cấp thường xuyên.
- 2009 Để mở rộng phát triển, Vĩnh Khánh tăng vốn điều lệ lên 130 tỷ đồng.

- 2010 Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu 13.000.000 cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 839/QĐ-SGDHN ngày 16/11/2010 của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và chính thức giao dịch từ ngày 08/12/2010 với mã chứng khoán VKC.
- 2015 Công ty là nhà phân phối độc quyền của nhãn hiệu vỏ lốp xe Chengsin – sản phẩm của công ty sản xuất lốp xe lớn thứ 09 trên toàn thế giới Cheng Shin Rubber. Và cho đến nay, mảng kinh doanh sản phẩm đã ngày càng đem lại nguồn doanh thu lớn cho Công ty. Đặc biệt trong năm 2015, đây là mảng hoạt động chiếm đến 70% tổng doanh thu. Tiếp nối kết quả kinh doanh từ những năm trước, hoạt động của Công ty cũng ghi nhận những kết quả tăng trưởng cao đến năm 2016, cụ thể doanh thu 262 tỷ (năm 2008), 356 tỷ (năm 2009), 476 tỷ (năm 2010), 669 tỷ (năm 2011), 742 tỷ (năm 2012), 821 tỷ (2013), 848 tỷ (2014), 1055 tỷ (2015).
- 2016 Công ty thay đổi địa điểm từ địa chỉ số 63/1 Tổ 1 đến số 854 Quốc Lộ 1K, Khu Phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, hai địa điểm này cùng nằm trên một khu đất mà Công ty đã được giao, nhưng việc thay đổi địa điểm này đã giúp Công ty nâng cao hình ảnh, quy mô hoạt động và thuận tiện trong giao thông và giao dịch khách hàng. Đồng thời, đây cũng là năm VKC đã chuẩn bị kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn mở rộng sản xuất kinh doanh, Xây dựng Kho lưu trữ vỏ xe; Cải tạo, sửa chữa Xưởng Cáp và Xưởng Nhựa; Bổ sung vốn lưu động để thanh toán cho các khoản nợ vay từ Hợp đồng vay ngắn hạn và mua nguyên vật liệu để sản xuất các sản phẩm kinh doanh của Công ty như cáp quang, cáp đồng, cáp LAN, ống nhựa, bobin, Hộp ODF, và các sản phẩm khác.

Trải qua 23 năm xây dựng và phát triển, từ một xí nghiệp nhỏ sản xuất ống nhựa công suất trung bình 2000 tấn/năm, đến nay Vĩnh Khánh đã mở rộng quy mô với hệ thống mạng lưới 04 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đà Nẵng, 01 văn phòng đại diện và thay đổi cơ cấu ngành nghề kinh doanh hợp lý, có khả năng cung cấp trung bình một năm 120.000 thùng cáp mạng LAN, 120.000 km dropwire, 1000.000 kg đồng, 10.000 tấn nhựa và 360.000 km cáp quang. Sản phẩm VCOM sản xuất và phục vụ thị trường xuất khẩu như Nhật Bản, thị trường Đông Nam Á, tiếp tục khẳng định uy tín chất lượng và dịch vụ vượt trội của một thương hiệu Việt Nam.

1.3. Các thành tích đạt được

Với những thành tựu đã đạt được trong suốt nhiều năm hình thành và phát triển, Công ty đã vinh dự nhận nhiều giải thưởng từ các tổ chức trong và ngoài nước:

STT	Bảng khen	Cơ quan cấp	Năm
1	Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008	Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	2000
2	Đơn vị thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước (1993 – 2001)	Bộ Tài Chính.	2001
3	Top 60 Doanh nghiệp tiêu biểu 5 năm liền (1996 - 2001)	Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa các nước ASEAN	2001
4	Top 50 Doanh nghiệp tiêu biểu	Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa các	2002

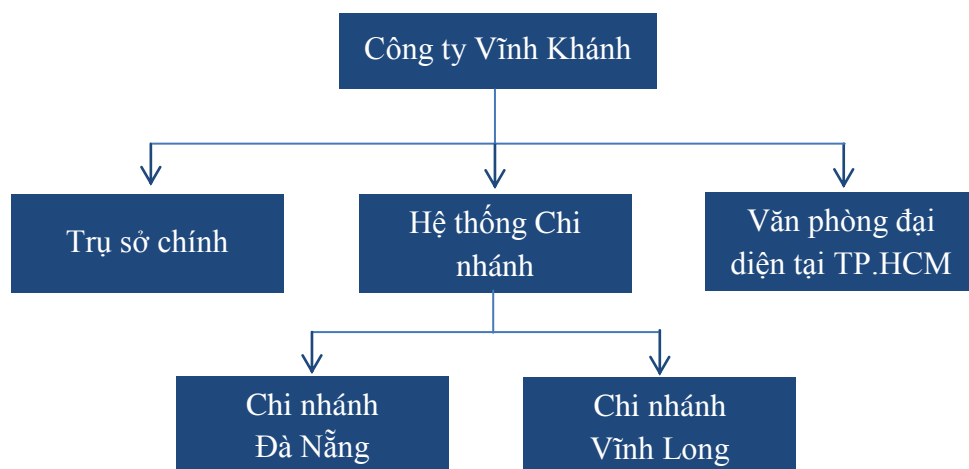
		nước ASEAN	
5	Doanh Nghiệp Xuất Sắc 5 năm (1997 - 2002)	Hiệp Hội Nhựa Việt Nam	2002
6	Hàng Việt Nam chất lượng cao	Báo Sài Gòn Tiếp Thị	2004
7	Đơn vị hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế	Tổng Cục Thuế	2004
8	Thương hiệu Công nghiệp Quốc gia hàng đầu	Bộ Công Nghiệp	2006
9	Cúp vàng thương hiệu Việt Nam	Hội liên hiệp Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	2006
10	Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam	Vietnam Report and Vietnamnet	2007 2008
11	Thương hiệu nổi tiếng quốc gia	Bộ Công Thương	2010
12	Cúp Vàng Vietbuild	Bộ Xây Dựng	2003 - 2015
13	Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao	Bộ Công Thương	2015
14	Cúp vàng Công nghiệp	Bộ Công Thương	2015
15	Chứng chỉ quốc tế ETL (Edison Testing Laboratories) đầu tiên tại Việt Nam cho sản phẩm cáp mạng LAN được sản xuất tại Việt Nam	Tổ chức Intertek	2010- 2015
16	Thương hiệu hàng đầu ngành xây dựng Việt Nam	Bộ Xây Dựng	2015

(Nguồn: VKC)



2. Cơ cấu tổ chức công ty

Hình 4: Cơ cấu tổ chức của VKC



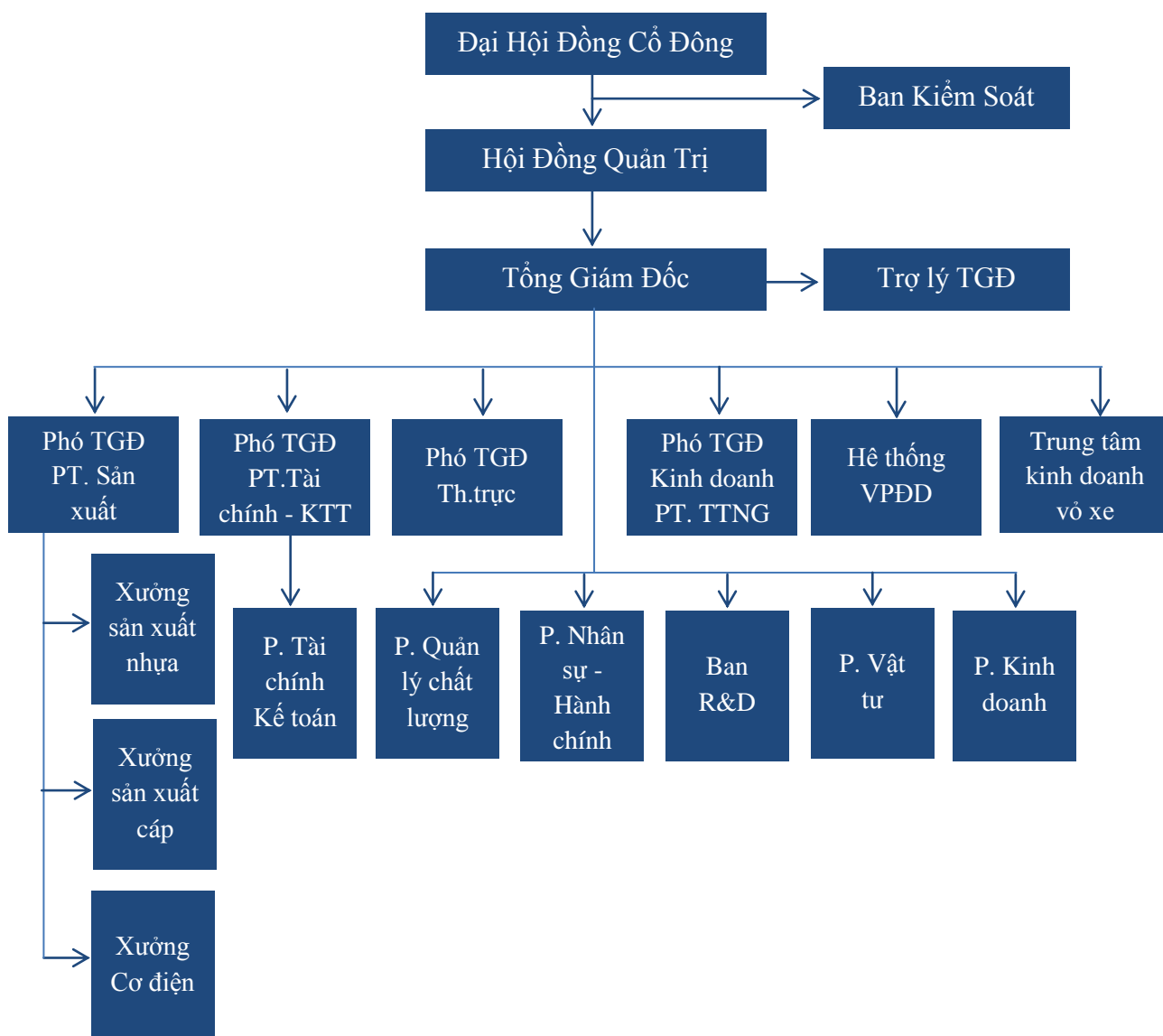
(Nguồn: VKC)

Trụ sở chính/Chi nhánh	Địa điểm	Liên hệ
Trụ sở chính	Số 854 Quốc lộ 1K, Khu Phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Điện thoại: (84 650) 3751501 Fax: (84 650) 3751699
VPĐD CTCP Cáp – Nhựa Vĩnh Khánh	Số 111D Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.	Điện thoại: (84 8) 3932 6061
Chi nhánh CTCP Cáp – Nhựa Vĩnh Khánh tại Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.	
Chi nhánh CTCP Cáp – Nhựa Vĩnh Khánh tại Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long	

(Nguồn: VKC)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Hình 5: Cơ cấu bộ máy quản lý của VKC



(Nguồn: VKC)

3.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm thảo luận và thông qua những kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Linh	Thành viên
Ông Hoàng Văn Quyền	Thành viên
Ông Lin Yu Hsing	Thành viên

3.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát của của Công ty gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Võ Thiên Chương	Ủy viên

3.4. Ban Tổng giám đốc

HĐQT bổ nhiệm một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Các Phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng giám đốc. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ngoài ra, trong Ban Tổng Giám đốc còn có các Trợ lý Tổng Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu, cố vấn cho Tổng Giám đốc trong những lĩnh vực đặc thù cần có chuyên môn sâu, rộng... Chủ động nghiên cứu, đề xuất với Tổng Giám đốc các chiến lược, sách lược, chủ động giải quyết công việc theo sự ủy quyền của Tổng Giám đốc, và thường xuyên thông tin, báo cáo công việc đến Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc của của Công ty gồm 05 thành viên và có cơ cấu như sau:

Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

3.5. Phòng Tài chính – Kế toán:

Phòng Tài chính - Kế toán là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực kế hoạch, tài chính, kế toán. Thu thập, xử lý, cung cấp thông tin về tài chính – kế toán cho Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo Công ty nhằm phục vụ tốt công tác quản lý, cụ thể thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức công tác kế toán, thống kê, tính toán, ghi chép, cập nhật các nghiệp vụ phát sinh;
- Xác định kết quả sản xuất kinh doanh và phân tích kết quả sản xuất kinh doanh định kỳ;
- Phát hiện lãng phí, thiệt hại xảy ra và đề ra hướng khắc phục;
- Lập dự thảo kế hoạch tài chính, tín dụng, kế hoạch tiền mặt, thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định kỳ;
- Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện quy chế tài chính.

3.6. Phòng Quản lý chất lượng:

Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực như sau:

- Kiểm soát chất lượng (QC); Kiểm soát Chất lượng là người đại diện cho khách hàng về chất lượng sản phẩm;
- Kiểm soát chất lượng của tất cả các hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu... sản phẩm từ khâu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất, đến quá trình sản xuất, và thành phẩm đầu ra của quá trình sản xuất, kể cả quá trình lưu kho theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Công ty VCOM, và của khách hàng.
- Xác minh nguyên nhân và biện pháp khắc phục các sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn.

3.7. Phòng Nhân sự – Hành chính:

Phòng Nhân sự – Hành chính là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực nhân sự, hành chính các công việc sau:

- Quản lý tài sản, thiết bị văn phòng;
- Kiểm soát công tác quản lý tài sản, thiết bị sản xuất của các xưởng;
- Quản lý và sắp xếp các công việc liên quan đến hành chính, văn thư, tổ chức sự kiện của Công ty;
- Quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, lao động tiền lương và công tác chính sách cho người lao động trong công ty;
- Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động;
- Thực hiện công tác đánh giá nhân sự định kỳ và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tuyển dụng và sắp xếp nhân sự cao cấp.

3.8. Ban Nghiên cứu và Phát triển (R&D)

Ban R&D là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ được thành lập để giúp Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp – Nhựa Vĩnh Khánh tổ chức thực hiện một số lĩnh vực hoạt động có tính chất đặc thù. Lãnh đạo của Ban là do thành viên Ban TGD hoặc trưởng phó các Phòng, hoặc Giám đốc đơn vị sản xuất, đơn vị kinh doanh trực thuộc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm. Nhân viên của Ban cũng do các nhân viên trực thuộc các phòng hoặc đơn vị

sản xuất, đơn vị kinh doanh kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm. Ban hoạt động định kỳ vào mỗi thứ năm hàng tuần, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực như sau:

- Thiết kế và xây dựng tiêu chuẩn cho các sản phẩm chuyên biệt;
- Xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật của toàn Công ty;
- Quản lý và đổi mới thiết bị, công nghệ;
- Quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật trong công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực;
- Phân tích, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện.

3.9. Phòng Vật tư :

Phòng Vật tư là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực như sau:

- Thiết lập kế hoạch vật tư, nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất và thực hiện cung ứng vật tư, nguyên vật liệu cho các phân xưởng sản xuất;
- Chọn lựa nhà cung cấp hàng hóa (nguyên, nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ, dịch vụ...) phục vụ cho quá trình sản xuất – kinh doanh;
- Quản lý vật tư, sản phẩm và cung ứng vật tư, hàng hóa đáp ứng nhu cầu sản xuất – kinh doanh;
- Có chức năng dự báo nhu cầu vật tư, cân đối kế hoạch thu mua, ký hợp đồng thu mua vật tư và tổ chức theo dõi việc thực hiện hợp đồng;
- Theo dõi và đánh giá chất lượng đầu vào của vật tư.

3.10. Phòng Kinh doanh:

Phòng Kinh doanh là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực kinh doanh, cụ thể như sau:

- Nghiên cứu, khai thác và phát triển thị trường;
- Chăm sóc khách hàng;
- Thực hiện công tác thủ tục, hồ sơ đấu thầu;
- Thực hiện công tác tiếp nhận đơn hàng sản xuất và giao hàng cho khách hàng.

3.11. Xưởng sản xuất Nhựa:

Xưởng Nhựa là đơn vị trực tiếp sản xuất theo đơn hàng của Công ty giao như: Ống nhựa uPVC, HDPE; Phụ kiện và keo dán ống cho ngành cấp nước, điện lực, bưu chính viễn thông và dân dụng; Tạo hạt Nhựa...

3.12. Xưởng sản xuất Cáp:

Xưởng Cáp là đơn vị trực tiếp sản xuất theo đơn hàng của Công ty giao như: Cáp Mạng (Cáp LAN); Cáp Quang (trong ngành Viễn Thông); Cáp Viễn thông; Dây điện: Dây điện dân dụng (VC, VCm, VCmt,...); Dây cáp điện lực (CV, CVV, DVV...); Cáp điện kế; Dây đồng (phục vụ cho ngành Viễn thông; dây điện cho ngành Điện lực)...

3.13. Xưởng Cơ Điện:

Xưởng Cơ Điện là đơn vị trực tiếp sản xuất bao gồm: Cung cấp các dịch vụ cơ khí, điện, và nguồn năng lượng cho nhu cầu sản xuất của Công ty.

3.14. Trung tâm Kinh doanh Vô Xe:

Trung tâm Kinh doanh Vô xe là đơn vị trực tiếp kinh doanh thương mại theo yêu cầu của Tổng Giám đốc Công ty bao gồm: Kinh doanh Vô xe, ruột xe là nhà phân phối độc quyền của Hãng Chengshin.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/03/2016

STT	Tên cổ đông	CMTND số (hoặc Hộ chiếu số)	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lâm Quy Chương	281167053	Khu phố Đông Chiêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Bình Dương	3.648.602	28,07%
2	Lin Mei Kuang	302701215	12 Lanc 41 Kukon Road, Taipei, Taiwan	2.576.000	19,82%
3	Halley Sicav – Halley Asian Prosperity	CA6051	7A, rue Robert Stumper L-2557 Luxembourg	1.000.000	7,69%
Tổng cộng				7.224.602	55,58%

(Nguồn: VKC)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 31/03/2016

STT	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu %
1	Lâm Quy Chương	281167053	Khu phố Đông Chiêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Bình Dương	3.648.602	28,07%
2	Quách Văn Hên	020452666	28/54 Mai Xuân Thưởng, Phường 1, Quận 6, Tp.HCM	88	0,001%
Tổng cộng				3.648.690	28,071%

(Nguồn: VKC)

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 31/03/2016

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số CĐ
I	Cổ đông trong nước				
1	Tổ chức	322.000	3.220.000.000	2,48	
2	Cá nhân	8.754.000	87.540.000.000	67,34	
II	Cổ đông nước ngoài				
1	Tổ chức	1.171.000	11.710.000.000	9,01	
2	Cá nhân	2.753.000	27.530.000.000	21,18	
III	Cổ phiếu quỹ	-	-		
IV	Cổ phiếu ưu đãi	-	-		
Tổng cộng		13.000.000	130.000.000.000	100	

(Nguồn: VKC)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

5.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Không có

5.2. Các công ty con của tổ chức phát hành

Không có

5.3. Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

6. Giới thiệu về Quá trình tăng vốn của Công ty

Bảng 4: Quá trình tăng vốn của Công ty

STT	Năm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn tăng thêm	Lý do tăng	Hồ sơ pháp lý
		(Triệu Đồng)	(Triệu Đồng)	(Triệu Đồng)		
1	2003	85.000			Công ty chuyển đổi từ TNHH sang Cổ phần.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 ngày

						02/06/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và thay đổi lần thứ 15 ngày 24/05/2016
2	2007	85.000	86.400	1.400	Phát hành 140.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu (03 cổ đông). Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ-07 ngày 02/01/2007
3	2007	86.400	100.000	13.600	Phát hành 1.360.000 cổ phiếu để chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (03 cổ đông). Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ/HĐCĐ-07 ngày 30/03/2007
4	2007	100.000	105.500	5.500	Phát hành 500.000 cổ phần cho 15 cổ đông hiện hữu và 50.000 cổ phần cho 96 cán bộ công nhân viên Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ/HĐCĐ-07 ngày 30/03/2007
5	2009	105.500	130.000	24.500	Phát hành 2.450.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (99 cổ đông). Mục đích: Mua cổ phiếu CTCP Vĩnh Đại và Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ-09 ngày 20/10/2009

(Nguồn: VKC)

Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 105,5 tỷ lên 130 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Tên cổ phiếu chào bán:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá phát hành:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán:	2.450.000 cổ phiếu
Hình thức phát hành:	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
Ngày bắt đầu chào bán:	20/10/2009

Ngày hoàn thành đợt chào bán:	23/11/2009
Tổng số cổ phiếu đã bán:	2.450.000 cổ phiếu
Số tiền thu được từ đợt chào bán:	24.500.000.000 đồng
Kế hoạch sử dụng vốn:	- Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Vĩnh Đại: 19.820.392.000 đồng - Bổ sung vốn lưu động: 4.679.608.000 đồng

Ý kiến của kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất:

Theo ý kiến kiểm toán, Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 105.500.000.000 đồng lên 130.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại Thuyết minh.

7. Hoạt động kinh doanh**7.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm**

Theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/06/2003 và thay đổi lần thứ 15 ngày 24/05/2016, sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty bao gồm: Vô xe, ống nhựa, cáp viễn thông, cáp sợi quang. Trong đó, thương mại vô xe là mảng kinh doanh đem lại 70% tổng doanh thu năm 2015 của Công ty.

❖ Vô xe:

Vô xe Maxxis là sản phẩm đang được VKC cung cấp trên thị trường miền Trung và miền Nam với các chủng loại sản phẩm như:

- Vô xe du lịch các loại quy cách (không sử dụng ruột) sản xuất tại Thái Lan.
- Vô xe tải và ruột xe tải sản xuất tại Việt Nam.
- Vô xe máy và ruột gắn máy các loại gồm vô ruột xe số và vô xe tay ga (không sử dụng ruột) sản xuất tại Việt Nam.

❖ Ống nhựa:

Hiện nay, VKC chuyên sản xuất các loại ống uPVC, HDPE, phụ kiện và keo dán ống cho ngành cấp nước, điện lực, bưu chính viễn thông và dân dụng. Các dòng sản phẩm ống nhựa chính của Công ty là:

- **Ống nhựa uPVC các loại:** Đây là sản phẩm chủ lực của Công ty với sự đa dạng và phong phú về chủng loại. Các loại ống nhựa uPVC Công ty đang sản xuất bao gồm: ống có khớp nối gioăng, ống có khớp nối dán keo đủ mọi kích cỡ.
- **Ống HDPE các loại:** Ống HDPE hiện đang được Công ty sản xuất với các kích cỡ từ 20 mm đến 315 mm và được ứng dụng nhiều trong cấp nước và ống thoát nước công nghiệp (đường kính lên đến 1200mm), xây dựng dân dụng và xây dựng điện, bưu chính viễn thông, vận chuyển dung dịch có tính ăn mòn, dẫn nước và tưới tiêu. Tính ưu việt của ống HDPE là ống nhẹ, dễ lắp đặt, chi phí lắp đặt thấp; ống chịu được áp lực cao, ống có đường kính nhỏ hơn 100 mm có thể cuộn được, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

- **Ống nhựa hai lớp uPVC-HDPE:** Đây là loại ống hai lớp đầu tiên có mặt ở Việt Nam thích hợp cho các hệ thống cấp nước sạch, nước nóng. Sản phẩm này kết hợp được các ưu điểm vượt trội của ống uPVC và ống HDPE như: Lớp bên trong là lớp HDPE trơn láng; lớp bên ngoài là lớp PVC, dễ dàng đấu nối, dễ dàng lắp phụ kiện hơn ống HDPE, tiết kiệm chi phí lắp đặt, hàn nối so với hệ thống ống HDPE.

Ngoài ra, VKC còn sản xuất và kinh doanh phụ tùng, phụ kiện, keo dán để lắp đặt ống nhựa, ống luồn dây điện... phục vụ cho ngành bưu chính viễn thông.

❖ **Cáp viễn thông:**

Từ trước năm 2007, đây là sản phẩm chính trong cơ cấu doanh thu của VKC. Tuy nhiên, do việc chuyển đổi công nghệ từ cáp đồng sang cáp quang đã khiến doanh thu ngành cáp sụt giảm. Để khắc phục tình trạng này, VKC đã tập trung chuyển đổi công nghệ từ cáp đồng sang cáp quang để đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường xuất khẩu. Các sản phẩm cáp viễn thông truyền thống của VKC đến nay là:

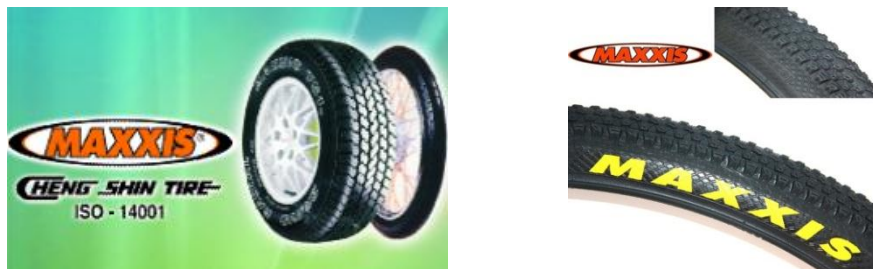
- **Cáp thông tin kim loại treo và loại luồn cống có nhồi dầu:** Đây là loại cáp có dây thép mạ kẽm để thi công, có thể treo lên cột hoặc các cấu trúc đỡ khác. Cáp treo và cáp luồn cống thường được sử dụng để đấu nối từ tủ cáp phối đến hộp tâm điểm. Ngoài ra, còn được sử dụng để đấu nối từ các tủ tiếp cận thuê bao tới các tủ cáp phối.
- **Cáp Inside:** Cáp inside được sử dụng để lắp đặt trong nhà, đấu nối từ tổng đài nội bộ hoặc hộp cáp chính đến tủ tiếp cận máy thuê bao. Cấu tạo của cáp inside gồm ruột dẫn làm từ đồng mềm, nguyên sợi, nguyên chất, bọc cách điện bằng lớp nhựa PE được mã hoá theo màu, kế đến là lớp Polyeste bảo vệ lõi cáp. Ngoài cùng là lớp vỏ bảo vệ PE màu đen bên với tia tử ngoại.
- **Dây thuê bao điện thoại (Dropwire):** Cấu tạo của dropwire gồm ruột dẫn làm từ đồng mềm nguyên chất, nguyên sợi hoặc đồng mềm xoắn, hoặc đồng bao thiếc, có lớp bọc cách điện bằng lớp nhựa PE, ngoài cùng là lớp vỏ bảo vệ PVC mềm bên với tia tử ngoại. Dây dropwire còn có dây thép gia cường để treo lên cột hoặc các cấu trúc đỡ khác. Dropwire được sử dụng để đấu nối từ các tủ tiếp cận thuê bao đến máy thuê bao.
- ❖ **Cáp sợi quang (Fibre Optic Cables):** Cáp sợi quang hiện nay đã trở thành một phương tiện thông dụng cho nhiều yêu cầu truyền thông bởi những ưu điểm vượt trội so với các phương pháp truyền dẫn điện thông thường như: dung lượng lớn, kích thước và trọng lượng nhỏ, không bị nhiễu điện và có tính cách điện tốt. Bên cạnh đó, cáp sợi quang còn có tính bảo mật thông tin cao cũng như có sự tái tạo tín hiệu tốt, dễ bảo dưỡng. Do vậy, VKC đã đưa vào sản xuất kinh doanh các loại cáp có tính ứng dụng cao như:
 - Cáp Dropwire quang;
 - Cáp quang phi kim loại treo;
 - Cáp quang phi kim loại (loại luồn cống)
 - Các chủng loại sản phẩm cáp mạng LAN hướng đến thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh các sản phẩm cung cấp cho thị trường trong nước, VKC còn đưa ra các chủng loại sản phẩm cáp mạng LAN hướng tới thị trường xuất khẩu như:

- Cáp mạng Cat5e/Cat6;
- Dây patchcord Cat5e/Cat6 loại chuẩn;
- Dây patchcord Cat5e/Cat6 loại nhỏ;
- Dây patchcord Cat5e/Cat6 loại đẹp.

Hình ảnh một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty:

Vỏ xe



Ống nhựa



Cáp viễn thông



Cáp sợi quang



(Nguồn: VKC)

❖ Doanh thu theo nhóm sản phẩm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm năm 2014, 2015

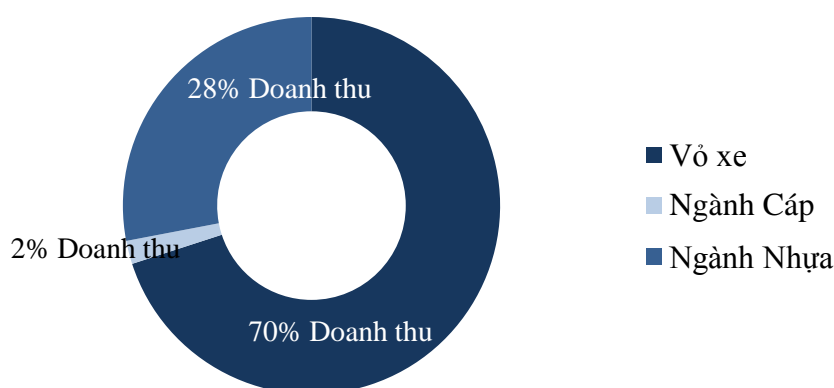
TT	Dòng sản phẩm	Năm 2014		Năm 2015		Quý I/2016	
		Doanh thu (tỷ đồng)	Tỉ trọng (%)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỉ trọng (%)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỉ trọng (%)
1	Vỏ xe	646.536.151.992	76,39	735.172.535.057	69,63	195.834.106.187	65,27
2	Nhựa	19.925.304.809	2,35	24.907.432.561	2,36	6.250.191.799	2,08
3	Ngành cáp	179.932.129.981	21,26	295.804.408.520	28,01	97.950.677.100	32,65
	Tổng cộng	846.393.586.782	100	1.055.884.376.138	100	300.034.975.086	100

(Nguồn: VKC)

Năm 2015, doanh thu từ kinh doanh thương mại vỏ xe chiếm tỷ trọng chính đến 70% doanh thu của công ty. Hoạt động kinh doanh của mảng vỏ xe đem lại doanh thu cao là do Công ty đã có mạng lưới phân phối tốt và ổn định qua các đại lý. Một số đại lý có doanh số cao như Đại lý Cẩm Hòa với doanh số trung bình 48 tỷ/năm hay các Đại lý Lâm Long, Phú Anh, Quốc Anh, Thanh Long, Huy Hoàng,... với doanh số trung bình khoảng 30 tỷ/năm.

Trong các năm trở lại đây, VKC tập trung cơ cấu lại ngành nhựa để chuyển hướng sản phẩm mục tiêu, vì khách hàng chủ yếu của ngành này là các công trình nhà nước, có công nợ phải thu khó đòi trong thời gian dài với tỷ lệ nợ xấu cao, do đó, VKC chủ trương dùng ngành nhựa tạo ra các nguyên vật liệu đầu vào của ngành cáp (hạt nhựa, bobin nhựa, vỏ bọc cáp, ...) do hai ngành có tính liên quan mật thiết cao, giảm chi phí sản xuất thành phẩm cáp. Công ty chỉ bán hàng cho các khách hàng nhựa nếu có bảo lãnh thanh toán từ ngân hàng, đảm bảo chắc chắn thu hồi công nợ. Chính vì thế tỷ trọng đóng góp trong doanh thu cả năm của ngành nhựa khá ít, trong khi đó ngành cáp vẫn duy trì tỷ lệ tăng trưởng ổn định qua các năm.

Hình 6: Cơ cấu doanh thu của từng nhóm sản phẩm năm 2015



(Nguồn: VKC)

❖ **Lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm**

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm năm 2014 – 2016

TT	Dòng sản phẩm	Năm 2014		Năm 2015		Quý I/2016	
		Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Vỏ xe	44.690.511.220	77,07	55.343.700.585	69,66	14.520.719.903	57,42
2	Nhựa	(9.176.239.844)	(15,85)	(3.460.792.694)	(4,36)	(1.090.712.399)	(4,31)
3	Ngành cáp	22.380.844.710	38,60	27.564.753.633	34,70	11.860.537.904	46,90
	Tổng cộng	57.895.116.086	100	79.447.661.524	100	25.290.545.408	100

(Nguồn: VKC)

Qua hai bảng về cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của các nhóm sản phẩm trong năm 2014 – 2015 và quý 1/2016 cho thấy VKC tập trung phát triển hai mảng thế mạnh là thương mại vỏ xe và sản xuất cáp. Nguyên nhân là do mảng thương mại sẫm lớp chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sẫm lớp thay thế, tốc độ tăng trưởng của hoạt động này có tương quan lớn so với tốc độ tăng trưởng bán xe gắn máy, xe tải, xe du lịch nói chung tại Việt Nam. Do vậy doanh thu vỏ xe năm 2015 tăng 13,7%, nhờ vào tăng trưởng đột biến của số lượng bán xe trong năm 2014 - 2015. Hơn thế nữa do Công ty chỉ hoạt động ở phân khúc bán buôn, nên lợi nhuận gộp của mảng này khá ổn định, không bị ảnh hưởng bởi giá nguyên liệu giảm và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận.

Mảng sản xuất nhựa cũng đã dần góp phần làm tăng doanh thu và giảm khoản lỗ 67% từ 9,1 tỷ xuống còn 3.4 tỷ trong năm 2015.

Doanh thu từ mảng cáp tăng 64,7% so với 2014 chủ yếu là do phần đóng góp lớn của hoạt động bán cáp quang trong nước. Do công ty chủ yếu cung cấp cáp quang trực nhánh để truyền tín hiệu từ trực chính của các nhà cung cấp dịch vụ internet đến các hộ gia đình đăng ký dịch vụ, Hội đồng quản trị công ty đánh giá khá cao mối tương quan giữa số lượng thuê bao cáp quang mới và tăng trưởng doanh thu của mảng này. Theo thông tin từ cục Viễn Thông, số lượng thuê bao cáp quang tăng mạnh từ năm 2015 phần lớn là do FPT đã hoàn thành dự án nâng cấp hệ thống cáp quang ở Hà Nội và Hồ Chí Minh. Do đó, lợi nhuận từ mảng cáp ở nửa cuối năm 2015 mới bắt đầu tăng mạnh.

❖ **Sản lượng sản xuất của Công ty qua các năm**

Bảng 7: Sản lượng sản xuất của Công ty qua các năm.

TT	Sản phẩm chính	Đơn vị	2014	2015	Quý I/2016
1	Vỏ xe	Cái	5.209.103	5.923.241	1.577.824
2	Nhựa	Kg	830.221	1.037.810	260.425
3	Cáp viễn thông	Mét	133.283.059	219.114.377	72.556.057

(Nguồn: VKC)

Sản lượng sản xuất nhựa, cáp viễn thông cũng như tiêu thụ vỏ xe tăng trưởng đều qua các năm. Trong thời gian tới, công ty sẽ chú trọng phát triển mảng kinh doanh vỏ xe để mở rộng thị phần, và dự báo đây sẽ là mảng tăng trưởng tốt, tiếp tục đem lại doanh thu cao trong năm 2016. Ngành nhựa vẫn theo định hướng phục vụ nội bộ công ty và nghiên cứu sản phẩm chủ lực cho các năm sắp tới. Riêng ngành cáp dự kiến tăng trưởng 20% so với 2015 nhờ vào sự ổn định nguồn cung cấp và các hợp đồng đầu ra đã ký kết cho cả năm 2016.

❖ **Cơ cấu Tổng doanh thu giai đoạn 2014 – Quý I/2016**

Bảng 8: Cơ cấu Tổng doanh thu 2014 – Quý I/2016

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	2014		2015		Quý I/2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	846.393.586.782	99,72	1.055.884.376.138	99,73	300.034.975.086	99,66
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.303.482.277	0,15	2.231.637.741	0,21	260.933.254	0,09
3	Doanh thu khác	1.068.036.970	0,13	667.841.081	0,06	765.770.000	0,25
	Tổng	848.765.106.029	100	1.058.783.854.960	100	301.061.678.340	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm hơn 99% trong cơ cấu tổng doanh thu của VKC. Trong đó, mảng sản phẩm đem lại doanh thu chủ yếu cho Công ty là thương mại vỏ xe với tỷ trọng chiếm hơn 70% doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.

Năm 2015 doanh thu từ bán hàng hóa đạt 735.172 triệu đồng, doanh thu từ bán thành phẩm đạt 320.711 triệu đồng. Công ty không phát sinh khoản giảm trừ doanh thu, do vậy doanh thu thuần năm 2015 đạt 1.055.844 triệu đồng, tăng 21,17% so với kế hoạch đề ra là 871.432 triệu đồng, và tăng 24,75% so với năm 2014. Tính đến hết Quý I/2016, doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng của VKC đạt 300.034 triệu đồng, tăng 27,99% so với cùng kỳ năm 2015.

❖ **Nguyên liệu và các yếu tố đầu vào**

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nhập khẩu. Nguồn nhập khẩu của Công ty đa số từ các nhà cung cấp có uy tín trên thị trường quốc tế như Dow Chemical, Chengshin Ltd., Co. Ngoài ra, để tiết kiệm chi phí và ổn định giá nhập khẩu, Công ty thường lập kế

hoạch nhập hàng theo từng lô sản xuất dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý. Do vậy, nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty luôn được duy trì ổn định.

Ngoài ra Công ty còn có nhiều nhà cung cấp dự phòng cho mỗi loại nguyên vật liệu để có thể sẵn sàng đáp ứng trong mọi trường hợp với mức giá không thay đổi.

Bảng 9: Một số nhà cung cấp VKC hợp tác

STT	Tên hàng	Nhà cung cấp	Thời hạn hợp đồng
1	Nhựa YXPK 541 – 33p	Công ty TNHH Nhựa Tep	02/2016
2	Optical Fiber	Furukawa Electric Singapore Pte Ltd	03/2016
3	Optical Fiber	Furukawa Electric Singapore Pte Ltd	03/2016
4	Stell Wire	Nantong Pan Am International Trade Co., Ltd	03/2016
5	Dây thép bện mạ kẽm	Công ty TNHH Một Thành Viên Trần Trung Kiên	03/2016
6	Polyvinas PM66R	Công ty TNHH Nhựa Và Hóa Chất Phú Mỹ	04/2016

(Nguồn: VKC)

❖ **Chi phí sản xuất kinh doanh:**

Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2014 – Quý I/2016

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	2014		2015		Tăng trưởng %	Quý I/2016	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT		Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	788.498.470.696	93,16	976.436.714.614	92,48	23,83	274.744.429.678	91,57
Chi phí bán hàng	15.391.096.272	1,82	18.443.068.506	1,75	19,83	4.863.115.331	1,62
Chi phí QLDN	14.058.061.896	1,66	15.683.617.446	1,49	11,56	3.988.025.122	1,33
Chi phí tài chính	15.851.278.052	1,87	17.649.309.191	1,67	11,34	4.496.382.189	1,50
Chi phí khác	140.922.151	0,02	1.180.705.919	0,11	737,84	434.394.733	0,14
Tổng cộng	833.939.829.067	98,53	1.029.393.415.676	97,49	23,44	288.526.347.053	96,16

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

Giá vốn hàng bán luôn chiếm hơn 90% tổng chi phí của VKC. Do đặc thù của ngành sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông nên chi phí giá vốn dành cho nguyên vật liệu đầu vào luôn chiếm tỷ trọng cao. Chi tiết giá vốn hàng bán của Công ty được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 11: Chi tiết giá vốn hàng bán của Công ty

Khoản mục	2015 (Đồng)	Tỷ trọng giá vốn hàng bán (%)
Giá vốn thành phẩm	296.485.863.030	30,36
Giá vốn hàng hóa	679.828.834.472	69,62
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	122.017.112	0,01
Tổng cộng	976.436.714.614	100%

(Nguồn: VKC)

Chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm hơn 82% giá vốn hàng bán của VKC. Các nguồn nguyên vật liệu chủ yếu là đồng nguyên liệu và các loại hóa chất được Công ty nhập khẩu. Đối với ngành cáp, nguyên vật liệu đầu vào là dây đồng (giá nguyên vật liệu dây đồng chiếm khoảng 65% tổng giá thành sản phẩm). Ngoài việc phải đối mặt với sự biến động của đồng nguyên liệu, VKC còn phải chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự thay đổi tỷ giá. Điều này có thể khiến giá nguyên vật liệu phục vụ sản xuất tăng, kéo theo chi phí đầu vào của Công ty tăng cao. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty thường ký hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp và hợp đồng bán sản phẩm theo giá đồng LME (London Metal Exchange).

Đối với ngành kinh doanh ống nhựa, nguyên vật liệu chủ yếu được mua trong nước. Giá các nguyên vật liệu này cũng chịu tác động không nhỏ từ tình hình kinh tế và lạm phát. Do vậy, để hạn chế ảnh hưởng của việc tăng giá nguyên vật liệu trong nước, VKC đã lập kế hoạch sản xuất và đánh giá biến động giá nguyên vật liệu của thị trường trong nước, từ đó dự trữ nguồn nguyên vật liệu đầy đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng.

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả hoạt động SXKD hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, SXKD hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

7.2.1. Trình độ công nghệ

Do đặc thù là ngành sản xuất, nên máy móc, thiết bị là tài sản chủ yếu và có giá trị lớn của Công ty. Bên cạnh một số máy móc thiết bị đã được đầu tư và sử dụng lâu dài, hàng năm Công ty cũng lên kế hoạch trang bị thêm các máy móc, thiết bị mới để thay thế hoặc áp dụng cho các công nghệ sản xuất mới. Vì việc vận hành máy móc cũng cần có những nhân viên có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, do đó, ngoài việc cử nhân viên ra nước ngoài để tìm hiểu kỹ thuật, Công ty cũng thường xuyên mời các chuyên gia cao cấp đã và hiện đang làm việc tại các công ty nhà máy có tiếng trên thương trường thế giới từ các nước như Đài Loan, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc sang tư vấn, đào tạo, hướng dẫn đội ngũ sản xuất, kỹ thuật chất lượng của Công ty. Công ty cũng mời các chuyên gia trong lĩnh vực viễn thông hợp tác thường xuyên, lâu dài, phụ trách về công nghệ và chất lượng tại Công ty.

Bảng 12: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

Stt	Tên máy móc	Số lượng	Công suất	Xuất xứ
1	Máy kéo trung (Ủ mềm)	01	1.200 m/min	Đài Loan
2	Máy kéo nhỏ (Ủ mềm)	02	1800 m/min	Đài Loan
3	Chuyên máy bọc đơn liên hoàn (Nokia-Maillefer)	04	1800 m/min	Phần Lan
4	Chuyên máy bọc đơn liên hoàn (Kobelco)	03	1600 m/min	Nhật Bản
5	Máy xoắn dem (NP-500P)	10	50 m/min	Đài Loan
6	Máy xoắn đôi trả xoắn (Pacific-500)	12	80 m/min	Đài Loan
7	Máy xoắn đôi thường (Yoshida-500)	18	280 m/min	Nhật Bản
8	Máy ghép nhóm (Walsin-Hefei)	03	80 m/min	Đài Loan - Trung Quốc
9	Máy bọc vỏ cáp LAN 75 mm	02	80 m/min	Đài Loan
10	Máy bọc vỏ cáp viễn thông 90 mm	02	40 m/min	Đài Loan - Trung Quốc
11	Máy trộn bột PVC cao tốc 300 L	02	750 Kg/h	Đài Loan
12	Máy đùn ống nhựa PVC 90 mm	01	350 Kg/h	Châu Âu
13	Máy đùn ống nhựa PVC 65/130 mm	02	320 Kg/h	Châu Á
14	Máy đùn ống nhựa PVC 55/110 mm	02	250 Kg/h	Châu Á
15	Máy đùn ống nhựa PE 90 mm	01	220 Kg/h	Châu Á

(Nguồn: VKC)

7.2.2. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản

❖ Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty

Một số dự án và các thiết bị sản xuất được VKC đầu tư trong năm 2015 và đầu năm 2016 như sau:

Bảng 13: Các dự án đã thực hiện, tổng giá trị đầu tư

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện
1	Công trình cấp nước Bà Rịa Vũng Tàu	350	2015
2	Công trình cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh	500	2015
3	Công trình cấp nước Tiền Giang	800	2015
4	Công trình cấp nước Bến Tre	800	2015
5	Công trình cấp nước Cần Thơ	1.100	2015
6	Mua sắm ống nhựa PVC phục vụ công tác phát triển phủ kín mạng lưới toàn quốc của Viễn Thông Thành phố Hồ Chí Minh.	22.500	2015
7	Công tác mua sắm tập trung ống nhựa PVC/PE và phụ kiện phục vụ ngầm hóa cáp viễn thông	10.000	2015
8	Mua sắm dây thuê bao FTTH phục vụ công tác phát triển mạng lưới tại Thành phố Hồ Chí Minh của Viễn Thông Thành phố Hồ Chí Minh	110.000	2015
9	Mua sắm dây thuê bao FTTH phục vụ công tác phát triển mạng lưới tại tỉnh Đồng Nai của Viễn Thông Đồng Nai	18.000	2015
10	Mua sắm dây thuê bao FTTH phục vụ công tác phát triển mạng lưới tại tỉnh Tiền Giang của Viễn Thông Tiền Giang	5.000	2015

(Nguồn: VKC)

7.2.3. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ của Công ty

Bảng 14: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	2014	2015	Quý I/2016
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	6,84	7,52	8,43
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	14.825.276.962	29.390.439.284	12.535.331.287
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	11.371.709.506	22.654.383.598	10.028.265.030
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ DTT (%)	1,34	2,15	3,34
Hệ số ROA (%)	2,20	4,06	1,75
Hệ số ROE (%)	7,05	13,61	5,73

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

7.2.4. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**❖ Sản phẩm vỏ xe:**

Vĩnh Khánh là tổng đại lý vỏ xe Maxxis của Công ty Chengsin (là thương hiệu lớn, uy tín, nổi tiếng vì chất lượng vượt trội) gần 20 năm, chính vì vậy đã có hệ thống phân phối rộng khắp trên thị trường Việt Nam.

Tiếp nối sự phát triển thuận lợi qua các năm do mảng thương mại sẫm lớp chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sẫm lớp thay thế, doanh thu vỏ xe năm 2015 tăng 13,7% và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Công ty (70%). Báo cáo tình hình doanh thu vượt mức trong quý I/2016 cho thấy mảng kinh doanh vỏ xe tiếp tục được kỳ vọng sẽ là nguồn thu lớn ổn định cho doanh nghiệp trong thời gian sắp tới. Chính vì vậy, Công ty đã tập trung hơn để phát triển mạnh mẽ kinh doanh này. Trong thời gian tới, song song với việc duy trì bán các sản phẩm vỏ xe truyền thống cho các đại lý lâu năm, Công ty sẽ tiến hành phân phối thêm các dòng sản phẩm mới như vỏ xe đạp, xe đạp điện, xe moto phân khối lớn, xe dùng trong nông nghiệp... nhằm mở rộng thêm chủng loại cũng như phục vụ tối đa nhu cầu của thị trường.

❖ Sản phẩm ống nhựa:

Xác định phân khúc thị trường nguyên liệu hạt nhựa, đặc biệt là nguyên liệu hạt nhựa dùng cho các sản phẩm cáp cao cấp như cáp có vỏ chống cháy, không độc hại,... Nhằm chủ động nhu cầu hạt nhựa dùng cho bọc vỏ cáp sắp tới (Cáp mạng LAN, viễn thông, điện,...) cũng như một phần lớn sẽ bán cho các nhà máy sản xuất cáp trong ngành, Công ty cũng đã thành lập “Phân xưởng hạt nhựa” thuộc Xưởng nhựa của Công ty. Dự kiến năng lực của xưởng hạt nhựa 200 tấn/tháng.

Định hướng kinh doanh sản phẩm ống nhựa trong những năm sắp tới nói chung vẫn tiếp tục hướng tới các chủng loại ống lớn, phục vụ cho các công trình cấp thoát nước, ống luồn cáp, ống luồn dây điện cho các đối tượng khách hàng tiêu biểu như: Tổng công ty cấp nước thành phố và các đơn vị trực thuộc, các Công ty viễn thông, Công ty xây lắp, Viễn thông các tỉnh thành trực thuộc VNPT, FPT và các công ty trực thuộc...

Từ năm 2014, Vĩnh Khánh tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Công ty hiện nay đã đưa vào sử dụng dây chuyên ép mặt bin bằng nguyên liệu PVC và HDPE. Sản phẩm dùng để chứa dây đồng, dây FTTH, có các tính năng vượt trội như độ bền cao, chống được lão hóa của tác động thời tiết, khí hậu, tính năng chống kéo dãn và đứt gãy tốt nên thời gian sử dụng lâu dài, không bị tác động bởi nấm, vi khuẩn, mối... Hiện nay bin chứa dây cáp của Vĩnh Khánh được các nhà sản xuất dây tin dùng và đặt hàng thường xuyên. Như vậy sản phẩm mới này sẽ mang lại doanh thu cho công ty trong thời gian tới.

❖ Sản phẩm cáp:

Hiện nay, Vĩnh Khánh đang cung cấp ra thị trường các sản phẩm cáp truyền thống như: cáp thông tin loại treo và loại cống có nhồi dầu, dây cáp inside, dây thuê bao điện thoại, cáp sợi quang...

Từ đầu năm 2015, FPT Telecom đã chủ động hoàn thành việc thay thế hệ thống cáp đồng ADSL sang sử dụng 100% cáp quang. VNPT và Viettel cũng đã và đang khuyến khích các thuê bao mới và thuê bao ADSL cũ chuyển sang dùng cáp quang. Các nhà cung cấp truyền hình cáp lớn như VTVCab, SCTV cũng bắt đầu lấn sân mạnh mẽ sang mảng internet với

các dịch vụ truyền hình cáp và internet trên mạng cáp quang. Song song với nhu cầu lắp mới lần đầu, việc các thuê bao chuyển đổi giữa các ISP, thay thế đường truyền cũng góp phần làm tăng nhu cầu sử dụng cáp quang trong các năm tới.

Vĩnh Khánh đang cung cấp khoảng 90% nhu cầu cáp quang trực nhánh cho FPT và VNPT, sản lượng cung cấp hiện tại đạt 16.000 km – 17.000 km cáp/tháng. Trong tương lai xa hơn, việc FPT mở rộng sang các thị trường Myanmar, Campuchia trong khi VNPT vẫn tiếp tục phát triển tại hầu khắp các tỉnh thành phố trên cả nước dự báo sẽ duy trì nhu cầu cáp quang của VKC.

Bên cạnh đó, Vĩnh Khánh vẫn tiếp tục duy trì thế mạnh xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản với dòng sản phẩm chuyên biệt là cáp mạng Lan dạng Slim và Flat với những tính năng nổi bật như: thiết kế dây nhỏ tròn, hình dáng dây nhỏ gọn, tính thẩm mỹ cao, dễ thi công, thông số test đạt chuẩn và FLUKE DTX-1800 CAT6, đáp ứng yêu cầu truyền dẫn với tốc độ cao.

Việc xây dựng các nhà máy và xưởng sản xuất cáp nằm cạnh nhau trong cùng khuôn viên Công ty giúp tiết kiệm chi phí sản xuất, vận chuyển, đồng thời tạo nên tính đồng bộ và liên kết trong bộ máy quản lý. Công suất hiện nay trong một tháng của nhà máy cáp là 21.000.000m dây viễn thông, 10.000.000m dây mạng LAN. Công suất dự kiến trong Quý 1 năm 2016 là 30.000.000m dây viễn thông, 12.000.000m dây mạng LAN.

Ngoài sản phẩm chủ lực là cáp quang thì Công ty còn đẩy mạnh đầu tư và phát triển sản xuất những sản phẩm cáp và vật liệu điện, dây đồng, cáp quang, phụ kiện quang...

Công ty tiếp tục đầu tư nghiên cứu và đưa vào thực tiễn sản xuất hộp phối quang hay giá phân phối cáp quang (ODF). Dự kiến sản phẩm đầu ra của Vĩnh Khánh sẽ rất đa dạng và phục vụ mọi đối tượng khách hàng trong và ngoài nước. Vĩnh Khánh cung cấp cả các phụ kiện như hộp đấu dây quang, hộp nối quang, hộp phân phối quang trong nhà, ngoài trời, treo tường, gắn rack 19, loại 4, 8, 12, 24, 48, 96 cổng..., với các dạng đầu nối khác nhau như: FC, SC, ST...

Trong tương lai, Công ty dự kiến sẽ mở rộng hoạt động, tìm kiếm và hợp tác với nhiều đơn vị sản xuất lớn khác, từng bước thay thế hàng nhập khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài. Công ty luôn hướng đến việc tìm kiếm những cơ hội phát triển mới nhưng vẫn duy trì những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng, đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu

7.2.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh là một trong những doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tiên phong trong việc đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do Trung Tâm Chứng Nhận Phù Hợp Tiêu Chuẩn QUACERT cấp giấy chứng nhận. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 được Công ty thực hiện một cách nghiêm ngặt, thống nhất; toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh được quản lý chặt chẽ từ lúc đưa nguyên vật liệu vào đến khi sản xuất ra thành phẩm và cung ứng cho khách hàng. Tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm đối với công việc của mình cũng như được tạo điều kiện để chủ động tham gia vào các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Trong quá trình sản xuất, sản phẩm của Công ty được kiểm tra chặt chẽ tại mỗi công đoạn qua nhiều cấp độ với sự tham gia kiểm tra trực tiếp của công nhân vận hành máy, nhân viên quản lý chất lượng (KCS). Công ty đã thiết lập Phòng quản lý chất lượng để điều hành việc quản lý chất lượng trong toàn bộ hệ thống sản xuất của mỗi xưởng sản xuất. Hệ thống máy móc thiết bị được kiểm tra thường xuyên, kịp thời xử lý, khắc phục những hư hỏng phát sinh nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động tốt.

Công ty trang bị đầy đủ các công cụ và thiết bị cao cấp do chuyên gia nước ngoài đảm trách cùng đội ngũ kỹ thuật viên về chất lượng được đào tạo chuyên sâu về các kỹ năng đảm bảo chất lượng 100% sản phẩm trước khi nhập kho. Các công cụ và thiết bị sử dụng cho việc đo kiểm có nguồn gốc từ các hãng nổi tiếng: Mitsutoyo (Nhật Bản), Fluke (Mỹ), Lantek (Mỹ).

Sản phẩm LAN Patch cord CAT 6 duy nhất tại Việt Nam do công ty Vĩnh Khánh trực tiếp sản xuất khép kín công đoạn theo tiêu chuẩn quốc tế và được đối tác Nhật Bản ký hợp đồng cung cấp thường xuyên. Ngoài ra sản phẩm cáp mạng LAN tại Vĩnh Khánh đã được Underwriters Laboratories Inc cấp chứng chỉ UL và Edison Testing Laboratories cấp chứng chỉ ETL.

7.3. Hoạt động Marketing

❖ Hoạt động nghiên cứu thị trường

Hiện nay, hoạt động nghiên cứu thị trường là do Phòng Kinh doanh của Công ty đảm trách. Công ty triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể như sau:

Công ty cũng thường xuyên thu thập ý kiến khách hàng và tìm hiểu nhu cầu của thị trường thông qua đội ngũ nhân viên kinh doanh của Công ty, từ đó Công ty luôn nhận được những thông tin phản hồi về thị trường, đối thủ cạnh tranh để cải tiến chất lượng sản phẩm phục vụ tốt nhất cho khách hàng, gia tăng khả năng cạnh tranh và từng bước chiếm lĩnh thị trường.

Bộ phận nghiên cứu thị trường thường xuyên thu thập thông tin về hoạt động của ngành ở phạm vi trong nước, khu vực và thế giới. Đặc biệt bộ phận nghiên cứu luôn cập nhật thông tin về tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp như: giá dầu, tình hình chính trị, nhu cầu dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu trên thế giới,... để có những chiến lược dự trữ, sản xuất kinh doanh phù hợp, kịp thời, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Công ty cũng thường tham gia các hội chợ, triển lãm trong ngành nhằm mục đích quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm đối tác mới.

Các hoạt động nghiên cứu thị trường đã có những tác động rất tích cực đến chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần không nhỏ đến sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cũng như số lượng khách hàng của Công ty trong những năm qua.

❖ Hoạt động quảng bá thương hiệu

Trước đây, do đặc thù sản phẩm của Công ty được sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng, các khách hàng chính như các bưu điện, các công ty xây dựng, cấp thoát nước,... đã biết và tin tưởng vào chất lượng sản phẩm của Công ty nên Công ty ít đầu tư vào hoạt động quảng bá, chỉ tập trung giới thiệu thương hiệu của Công ty đến khách hàng, tăng cường uy tín của Vĩnh Khánh trên thương trường. Bên cạnh việc tham gia giới thiệu thương hiệu của Công ty trên niên giám, website trong và ngoài nước, gắn các bảng hiệu quảng cáo ngoài

trời, Vĩnh Khánh cũng đẩy mạnh phát triển thương hiệu thông qua việc tham gia triển lãm sản phẩm ở trong nước và tham dự các triển lãm lớn ở nước ngoài.

Nhưng hiện nay, với định hướng phát triển đa dạng hoá khách hàng, mở rộng thị phần, đặc biệt hướng tới khách hàng dân dụng, Công ty chú trọng đầu tư hơn nữa vào hoạt động Marketing với những kế hoạch bài bản, nhắm tới các đối tượng khách hàng mục tiêu cụ thể.

Đối với cộng đồng, Công ty luôn duy trì tham gia các hoạt động xã hội như: xây và tặng nhà tình nghĩa tại các tỉnh Bến Tre, Quảng Trị,... Hàng năm tài trợ tập vở cho học sinh nghèo hiếu học tại các tỉnh Thanh Hoá, Quảng Trị, Cà Mau,... Tham gia đóng góp cứu trợ thiên tai, lũ lụt,...

❖ Sản phẩm

Với những đặc tính vượt trội về chất lượng sản phẩm, uy tín trong kinh doanh, thương hiệu Vĩnh Khánh đã tạo được niềm tin trong lòng khách hàng và thật sự trở thành một đối tác đáng tin cậy đối với các đơn vị trong nước.

Trong tương lai, Công ty dự kiến sẽ mở rộng hoạt động, tìm kiếm và hợp tác với nhiều đơn vị sản xuất lớn khác, từng bước thay thế hàng nhập khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài. Công ty luôn hướng đến việc tìm kiếm những cơ hội phát triển mới nhưng vẫn duy trì những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng, đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu.

❖ Hệ thống phân phối


Đến nay, Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh đã xây dựng được mạng lưới khách hàng tiêu thụ sản phẩm Vĩnh Khánh rộng khắp cả nước theo phương thức tiếp xúc trực tiếp (B2B - Business to Business, B2G – Business to Government) (đối với sản phẩm ống nhựa và cáp viễn thông), hệ thống phân phối gồm các Đại lý cấp 1, cửa hàng cấp 2 (đối với sản phẩm vỏ xe), trong đó khu vực phía Nam với tiềm lực phát triển kinh tế rất lớn vẫn luôn là thị trường chủ yếu.




❖ Chính sách giá

Hiện nay, giá bán sản phẩm của Vĩnh Khánh là tương đương với giá bán sản phẩm của các đơn vị hoạt động trong cùng ngành. Để khuyến khích những khách hàng truyền thống và thu hút những khách hàng tiềm năng, Vĩnh Khánh luôn có chính sách giá phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Công ty có chính sách ưu đãi về giá và cấp tín dụng tùy vào số lượng đơn đặt hàng, mức độ đặt hàng thường xuyên và mức độ uy tín của khách hàng trong quá trình thanh toán.

7.4. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện nay, Công ty Vĩnh Khánh đang sử dụng một số nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ cho các sản phẩm của Công ty, cụ thể như sau:

	<p>Nhãn hiệu được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 95001 được Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục sở hữu trí tuệ cấp theo Quyết định số 1182/QĐ-SHTT ngày 22/01/2008 có hiệu lực kể từ ngày cấp đến 10 năm (có thể gia hạn).</p> <p>Sản phẩm mang nhãn hiệu này gồm: Ống nhựa mềm; Ống nhựa cứng;</p>
---	---

	Dây cáp viễn thông, cáp điện lực, các loại dây dẫn điện, hộp nối dây cáp mạng vi tính, ống nhựa để luồn dây điện các loại.
	Nhãn hiệu được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 93457 được Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục sở hữu trí tuệ cấp theo Quyết định số 19968/QĐ-SHTT ngày 19/12/2007 và gia hạn theo Quyết định số 71411/QĐ-SHTT ngày 27/11/2014, có hiệu lực kể từ ngày cấp đến 05/09/2025. Sản phẩm mang nhãn hiệu này gồm: Dây cáp viễn thông, cáp điện lực, các loại dây dẫn điện, hộp nối dây cáp, ống nhựa để luồn dây điện các loại; Ống nhựa mềm; Ống nhựa cứng.
	Nhãn hiệu được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 188492 được Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục sở hữu trí tuệ cấp theo Quyết định số 40715/QĐ-SHTT ngày 01/08/2012, cấp lại theo Quyết định số 4377/QĐ-SHTT ngày 05/12/2014, có hiệu lực kể từ ngày cấp đến 10 năm (có thể gia hạn). Sản phẩm mang nhãn hiệu này gồm: Dây cáp viễn thông, cáp điện lực, các loại dây dẫn điện, hộp nối dây cáp, ống nhựa để luồn dây điện các loại.
	Nhãn hiệu được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 193788 được Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục sở hữu trí tuệ cấp theo Quyết định số 58013/QĐ-SHTT ngày 16/10/2012, có hiệu lực kể từ ngày cấp đến 10 năm (có thể gia hạn). Sản phẩm mang nhãn hiệu này gồm: Ống gang; Máy phát điện; Dây cáp viễn thông, cáp điện lực, các loại dây dẫn điện, hộp nối dây cáp, ống nhựa để luồn dây điện các loại cáp quang, cáp thông tin, cáp mạng, điện thoại, dây điện; Săm lốp xe các loại; Ống nhựa mềm; Ống nhựa cứng.

(Nguồn: VKC)

7.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 15: Danh sách các hợp đồng

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Tên hợp đồng	Khách hàng	Giá trị	Thời gian thực hiện
1	Hợp đồng số 30-15/HĐMS-DA về việc Mua sắm tập trung ống nhựa PVC và phụ kiện phục vụ ngâm hóa cáp viễn thông năm 2014-2015	Trung tâm cung ứng Vật tư - Viễn thông TP.HCM	14,026	29/01/2015
2	Hợp đồng số 49-16/CUVT-VCOM/ĐT-	Trung tâm cung	23,720	03/03/2016

	XT về việc Mua sắm dây thuê bao quang treo 1FO det	ứng Vật tư - Viễn thông TP.HCM		
3	Hợp đồng số 0812MN/ADSL/FTEL/VCOM/2015 về việc Mua sắm cáp thuê bao đồng phục vụ phát triển thuê bao quý 3 năm 2015	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	8,570	08/12/2015
4	Hợp đồng số 1012MN/FTTH1/FTEL/VCOM/2015 về việc Mua sắm cáp thuê bao quang ống đệm chặt phục vụ phát triển thuê bao quý 3 năm 2015	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	19,272	10/12/2015
5	Hợp đồng số 001-16/CUVT-VK/MSTT-TX về việc Mua sắm dây thuê bao quang treo 2FO	Trung tâm cung ứng Vật tư - Viễn thông TP.HCM	4,785	06/01/2016
6	Hợp đồng số 135-15/HĐMS-TX về việc Mua sắm vật tư phục vụ công tác lắp đặt, sửa chữa, ứng cứu thông tin 6 tháng đầu năm 2015 của Viễn Thông Thành phố HCM- Phần dây thuê bao đồng	Trung tâm cung ứng Vật tư - Viễn thông TP.HCM	7,411	15/04/2015
7	Hợp đồng số 231-15/HĐMS-TX về việc Mua sắm dây thuê bao quang treo 2FO	Trung tâm cung ứng Vật tư - Viễn thông TP.HCM	22,202	23/07/2015
8	Hợp đồng số 013-16/CUVT-VK/MSTT-TX về việc Mua sắm dây thuê bao quang treo 2FO	Trung tâm cung ứng Vật tư - Viễn thông TP.HCM	9,780	21/01/2016

(Nguồn: VKC)

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty trong năm 2014 – Quý I/2016

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	% tăng giảm	Quý I/2016
Tổng giá trị tài sản	541.935.029.310	575.412.882.667	6,18	570.295.483.785
Vốn chủ sở hữu	162.724.440.572	170.104.482.268	4,54	180.132.747.298
Doanh thu thuần	846.393.586.782	1.055.884.376.138	24,75	300.034.975.086
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.898.162.143	29.903.304.122	115,16	12.203.956.020

Lợi nhuận khác	927.114.819	(512.864.838)	(155,32)	331.375.267
Lợi nhuận trước thuế	14.825.276.962	29.390.439.284	98,25	12.535.331.287
Lợi nhuận sau thuế	11.371.709.506	22.654.383.598	99,22	10.028.265.030
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)	7,05	13,61	93,05	5,73

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

Năm 2015, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.055.884 triệu đồng, tăng 24,75% so với năm 2014. Mảng kinh doanh đem lại doanh thu lớn nhất cho công ty là thương mại săm lốp (chiếm đến 70% tổng doanh thu năm 2015). Công ty là nhà phân phối độc quyền tại khu vực phía Nam (từ Đà Nẵng trở vào) của nhãn hiệu vỏ lốp xe Chengsin – Công ty sản xuất lốp xe lớn thứ 9 trên toàn thế giới Cheng Shin Rubber. Tuy thương hiệu ngoại nhập này hiện đang chiếm thị phần khá khiêm tốn tại Việt Nam (chỉ vào khoảng 5% trong năm 2014), chất lượng và sức mạnh thương hiệu sẽ giúp Công ty giữ vững thị phần và tăng trưởng theo tốc độ tăng trưởng của ngành săm lốp.

Hoạt động sản xuất cáp viễn thông có quy mô nhỏ hơn (khoảng 30% doanh thu năm 2015) nhưng được Công ty dự báo sẽ đóng vai trò chủ đạo trong tăng trưởng năm 2016. Hiện nay, Công ty là một trong những nhà sản xuất cáp quang trực nhánh cho ba công ty cung cấp dịch vụ internet lớn nhất cả nước là FPT, VNPT và Viettel. Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu cáp đã đóng góp khoảng 3,5 triệu USD vào tổng doanh thu của VKC. Bên cạnh việc cung cấp sản phẩm trong nước, VKC còn có chiến lược dài hạn xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài nhờ lợi thế trong phân khúc xuất khẩu với các bạn hàng truyền thống như Nhật Bản, Philippin và mở rộng thị trường xuất khẩu ra các nước Đức, Mexico, Hàn Quốc.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

Chuyển biến từ cuối năm 2013 và tiếp tục cho đến năm những tháng đầu năm 2016 nền kinh tế Việt Nam phục hồi rõ nét và đạt tốc độ tăng trưởng cao đã dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty tăng trưởng cao so với kế hoạch đề ra và cao hơn nhiều so với cùng kỳ những năm trước. Mặc dù có sự biến động mạnh của thị trường vật liệu thế giới nhưng đến năm 2015 khi giá dầu thô giảm mạnh, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước như hỗ trợ lãi suất, gia hạn nộp thuế, giảm thuế và sự hỗ trợ chi phí Marketing của nhà cung cấp vỏ xe theo sự phát triển của thị trường vỏ ruột xe... là những yếu tố quan trọng làm nền tảng cho sự phát triển của các ngành sản xuất nói chung và ngành sản xuất cáp nhựa nói riêng của Công ty.

Bên cạnh đó, với thương hiệu hơn 23 năm trong ngành, sản phẩm của Công ty Vĩnh Khánh cũng dần quen thuộc và được những đối tác, người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Đồng thời, Vĩnh Khánh cũng là đơn vị có nguồn nhân lực khá ổn định và làm việc lâu dài, đóng góp những kinh nghiệm quản lý, sản xuất cho Công ty.

❖ Khó khăn:

Ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu: Tình hình xuất khẩu các sản phẩm nhựa của Việt Nam trong 10 năm trở lại đây liên tục tăng trưởng khả quan, tính cạnh tranh ngày càng được nâng cao, là một trong mười ngành được nhà nước ưu tiên phát triển. Tuy nhiên, hiện nay ngành nhựa nước ta vẫn đang phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ bên ngoài (chiếm đến 80%) cùng với việc tăng giá điện khiến các chi phí hoạt động sản xuất của doanh nghiệp ngành nhựa tăng cao do chi phí điện chiếm 10-15% tổng chi phí sản xuất hiện nay, sản phẩm sản xuất ra không thể tăng cao do yếu tố cạnh tranh, khiến nhiều doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn.

Đối với mặt hàng cáp cũng không ngoại lệ khi nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất cáp viễn thông là đồng, nhựa, băng nhôm... hầu như vẫn là nhập khẩu hoặc mua lại của các đơn vị nhập khẩu khác. Điều này là nhân tố chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí giá vốn hàng bán của Công ty tăng cao trong những năm này.

Áp lực cạnh tranh ngành nhựa trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài: Doanh nghiệp sản xuất nhựa Việt Nam luôn duy trì mức tăng trưởng 11% ổn định trong suốt 5 năm qua. Năm 2016, tốc độ tăng trưởng ngành nhựa được dự đoán sẽ tăng lên 15%. Mức độ tăng trưởng ổn định và ấn tượng của ngành nhựa tại Việt Nam đã hấp dẫn những công ty nhựa lớn nước ngoài tham gia đầu tư tại Việt Nam. Tính trên cả nước hiện có khoảng gần 1.500 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm ưu thế với 85%. Trong năm 2016, nhà nước thoái vốn tại nhiều doanh nghiệp nhựa, mức tổng đầu tư toàn ngành nhựa sẽ tiếp tục thay đổi mạnh theo hướng doanh nghiệp ngoại ngày càng chiếm ưu thế.

Nhu cầu cáp viễn thông thay đổi trong các năm vừa qua: Nhu cầu về cáp viễn thông đồng tại thị trường Việt Nam thay đổi, đi kèm với nó là sự có mặt của một số Công ty sản xuất cáp viễn thông như: Sacom, Cáp Sài Gòn, Taihan-Sacom, Thăng Long, Thiên Thành, Việt Hàn ... tạo ra một môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Việc chuyển đổi từ cáp viễn thông đồng sang cáp quang từ 2008 của ngành viễn thông, đến nay Vĩnh Khánh luôn tập trung nghiên cứu đổi mới để đưa ra thị trường sản phẩm cáp cáp quang với chất lượng cao nhằm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, và đã dần khẳng định được vị thế hàng đầu của mình với nhiều đối tác xuất khẩu nước ngoài như Philippin, Nhật Bản, Đài Loan.

Hội nhập – Nguy cơ và thách thức: Theo các chuyên gia trong ngành, dù tăng trưởng khả quan và đầu tư bài bản, nhưng nhìn chung, doanh nghiệp nhựa vẫn chưa hoàn toàn lạc quan vì vẫn phải đối đầu với nhiều thách thức, nhất là khi năm 2016, hàng rào phi thuế quan được dỡ bỏ thì áp lực cho doanh nghiệp trong nước càng lớn.

Trong khi đó, ngành nhựa ở một số quốc gia trong khu vực ASEAN đã có trình độ sản xuất cao hơn như Thái Lan hướng tới sản xuất các sản phẩm nhựa công nghệ sinh học, thân thiện với môi trường, Malaysia là nơi cung cấp màng kéo nhựa polyetylen.

Xét về góc độ cạnh tranh, các doanh nghiệp nhựa hiện vẫn bị lép vế do nguyên liệu sản xuất trong nước chỉ mới đáp ứng khoảng 20% nhu cầu, 80% còn lại đang phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong khi đó, mức thuế nhập khẩu nguyên liệu PP tăng từ 2% lên 3% bắt đầu từ ngày 1/1/2016. Bên cạnh đó, số lượng mẫu mã, chủng loại sản phẩm của ngành nhựa còn đơn điệu, chưa có nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng.

Bước sang năm 2016, với chiến lược đầu tư đúng đắn được định hình từ năm 2010, bên cạnh việc đầu tư những dây chuyền công nghệ mới hiện đại, Công ty sẽ mở rộng phát triển để phục vụ cho thị trường trong nước vẫn đang thiếu hụt do các doanh nghiệp lớn hiện nay đều định hướng xuất khẩu sang các thị trường châu Âu, Mỹ và kết hợp giữa việc giữ vững thị phần, mở rộng với việc tiếp cận gần hơn tới các khách hàng tiêu dùng dân dụng qua các chính sách bán hàng mới. Bên cạnh việc chú trọng mở rộng thị trường cho các sản phẩm chủ lực của Công ty ngày càng phát triển, Vĩnh Khánh vẫn tiếp tục nghiên cứu và triển khai sản phẩm mới như sản phẩm cáp mạng LAN, trở thành nhà máy sản xuất cáp mạng LAN đầu tiên ở Việt Nam được cấp chứng chỉ quốc tế UL (Underwriters Laboratories) và ETL (Edison Testing Laboratories, là nhà máy sản xuất cáp mạng LAN đầu tiên đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Nhật Bản và xuất khẩu sang Nhật Bản. Doanh thu và lợi nhuận ngành cáp LAN khá cao, hứa hẹn tiềm năng phát triển mới trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của công ty trong ngành

Đối với thương mại vỏ xe:

Vỏ xe Maxxis mà Vĩnh Khánh đang phân phối là một trong những thương hiệu lớn trên thế giới nói chung và trong nước nói riêng. Theo điều tra của Vĩnh Khánh từ sự so sánh với các công ty cùng ngành nghề tại thị trường Việt Nam từ Đà Nẵng đến Cà Mau thì thị phần vỏ xe Maxxis (Chengshin) hiện nay như sau:

- Vỏ ruột xe tải chiếm 10% thị phần.
- Vỏ xe du lịch chiếm 12,8% thị phần.
- Vỏ xe máy tay ga chiếm 30% thị phần.

Đối với ngành nhựa:

Vĩnh Khánh hiện nay là một trong năm thương hiệu ống nhựa được tin dùng trong ngành cấp nước, viễn thông, điện lực, bên cạnh các thương hiệu như Bình Minh, Tiên Phong, Đạt Hòa, Minh Hùng. Trong khi các công ty khác có thể mạnh về cấp nước dân dụng thì VKC chỉ tập trung phát triển cung cấp sản phẩm cho mảng công trình có bảo lãnh thanh toán từ ngân hàng để vừa cung ứng với sản lượng lớn vừa có nguồn thu đảm bảo. Việc cung cấp sản phẩm ngành nhựa kết hợp với tận dụng lợi thế của ngành cáp khi Công ty bán kèm các vật tư viễn thông như ống bưu điện, ống ngầm hoá ,....

Đối với ngành cáp:

Trên thị trường hiện nay đã ghi nhận sự có mặt của một số Công ty sản xuất cáp viễn thông như: Sacom, Cấp Sài Gòn, Taihan-Sacom, Thăng Long, Thiên Thành, Việt Hàn ... tạo ra một môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, trong lĩnh vực này Vĩnh Khánh vẫn là một đơn vị sản xuất có uy tín và là thương hiệu nổi bật, được tin dùng, là một trong những nhà cung cấp cáp viễn thông cho các tỉnh thành trên toàn đất nước Việt Nam. Căn cứ trên sản lượng mà VKC đã cung cấp từ các gói thầu hoặc trên phạm vi địa bàn các tỉnh thành, VKC ước tính cung cấp khoảng 65% nhu cầu cáp viễn thông của tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT), 80% cho FPT và 10% cho Viettel.

Thị trường cáp mạng LAN của Vĩnh Khánh hiện nay vẫn còn khá mới mẻ nhưng sản phẩm đã tìm được thị trường xuất khẩu tại Philippin và cũng là đơn vị sản xuất cáp mạng LAN xuất khẩu đầu tiên ở Việt Nam, đồng thời cung cấp cáp mạng LAN 25 đôi cho Tập đoàn FPT.

Hiện nay, giá bán sản phẩm của Vĩnh Khánh là tương đương với giá bán sản phẩm của các

đơn vị hoạt động trong cùng ngành. Để khuyến khích những khách hàng truyền thống và thu hút những khách hàng tiềm năng, Vĩnh Khánh luôn có chính sách giá phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Công ty có chính sách ưu đãi về giá và cấp tín dụng tùy vào số lượng đơn đặt hàng, mức độ đặt hàng thường xuyên và mức độ uy tín của khách hàng trong quá trình thanh toán.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

❖ Triển vọng ngành

Ngành vỏ xe: Việt Nam là một thị trường tiềm năng cho sản phẩm vỏ xe. Chỉ trong vòng vài năm gần đây, sự phát triển của các phương tiện giao thông vận tải: từ xe máy đất liền, xe hơi đến các loại xe tải và xe buýt hiện đại ở Việt Nam khá nhanh. Tính riêng 9 tháng năm 2015 số lượng ô tô đăng ký mới là 230.008 xe (tăng 68%) và 2.272.424 xe mô tô, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm ngoài⁵. Việt Nam là một thị trường trẻ, đang phát triển, do đó nhu cầu tiêu dùng cũng sẽ gia tăng, đặc biệt đối với việc mua sắm và sử dụng các phương tiện giao thông. Chính vì thế, nhu cầu vỏ xe vẫn còn tiếp tục tăng trưởng và sản phẩm vỏ xe có chu kỳ đời sống lâu dài.

Từ năm 2011, khi nhà máy Chengshin Việt Nam sản xuất đủ qui cách vỏ ruột xe tải và nhà máy Maxxis Thái Lan sản xuất vỏ xe tải nặng bố kềm, lúc đó vỏ xe Maxxis sẽ chiếm 20% thị trường vỏ xe vận tải tại Việt Nam. Nắm bắt nhu cầu thị trường, Vĩnh Khánh tiếp tục làm nhà phân phối độc quyền của vỏ xe Maxxis trên toàn bộ thị trường miền Nam, sản phẩm bán ra sẽ đa dạng hơn và dự báo cho sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của vỏ xe trong những năm sắp tới sẽ tăng trưởng ổn định.

Mặc dù giá cao su nguyên liệu được dự báo là sẽ phục hồi nhẹ trong năm 2015, nhưng thực tế, các doanh nghiệp sản lốp vẫn đang hưởng lợi khi giá cao su vẫn ở mức thấp như hiện nay. Ngoài ra, tiềm năng từ lốp radial (hay còn gọi là lốp mảnh song song) hưởng lợi nhờ quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô trong nước và tiêu thụ xe ô tô dự kiến tăng mạnh nhờ sự hỗ trợ từ các chính sách và tăng trưởng tốt hơn của nền kinh tế vĩ mô. Doanh thu vỏ xe năm 2015 tiếp tục tăng 13,7% nhờ vào tăng trưởng đột biến của số lượng bán xe trong năm 2014-2015. Tính đến thời điểm này, thương mại vỏ xe vẫn là nguồn thu chủ lực cho Vĩnh Khánh. Với chính sách bán hàng linh động, đánh giá đúng nhu cầu của khách hàng về chất lượng và giá thành cùng với thị trường nhập khẩu xe tang mạnh trong những năm tới Vĩnh Khánh có niềm tin vào vào doanh số ngành vỏ xe sẽ tiếp tục tăng trưởng bền vững qua từng năm.

Ngành ống nhựa: Ngành nhựa Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bình quân 15 - 20%/năm, trong đó năm 2015 khi được hưởng lợi từ nhiều yếu tố như giá nguyên vật liệu giảm, cộng hưởng từ việc ngành xây dựng và bất động sản khởi sắc hay nền kinh tế châu Âu hồi phục tăng 29,63% về lượng và tăng 30,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

Theo báo cáo chiến lược năm 2016 của CTCK Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam nhu cầu tiêu thụ nhựa trong nước năm 2016 được dự báo tiếp tục khả quan. Dựa trên ba yếu tố gồm (1) nhu cầu tiêu thụ nhựa bình quân đầu người sẽ tăng và đạt 45 kg/người/năm vào năm 2020, tương đương CAGR là 4%/năm; (2) ngành bất động sản, xây dựng tiếp tục

⁵ <http://vneconomy.vn/thoi-su/so-luong-oto-dang-ky-moi-tang-dot-bien-20151016015213342.htm>

phục hồi trong thời gian tới sẽ thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nhựa xây dựng; (3) xu hướng chuyển dịch sản xuất về Việt Nam, tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài kéo theo sự tăng trưởng phân khúc nhựa kỹ thuật. Cạnh tranh có xu hướng tăng trên cả thị trường nội địa và xuất khẩu khi cộng đồng kinh tế Asean (AEC), hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam – Hàn Quốc chính thức có hiệu lực từ đầu năm 2016, hiệp định TPP hoàn tất. Cùng với đó là đồng CNY mất giá làm tăng lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm Trung Quốc trên cả thị trường Việt Nam và các thị trường xuất khẩu.

Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn, Vĩnh Khánh giữ vững những sản phẩm chất lượng truyền thống tiếp tục đầu tư vào sản xuất ống HDPE đa dạng các quy cách ống, đầu tư mở khuôn ống HDPE gân xoắn cho thoát nước, tưới tiêu. Ống HDPE lớn sẽ đóng góp đáng kể vào doanh thu của ngành nhựa, bên cạnh đó, mạnh dạn mở rộng thị trường với những sản phẩm mới, đáp ứng những yêu cầu về mặt kinh tế, chất lượng cho người tiêu dùng.

Ngành cáp: Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông tiên tiến, hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp, hoạt động hiệu quả, an toàn; chú trọng phát triển kết nối băng thông rộng và thông tin di động. (Hội nghị tăng trưởng viễn thông Việt Nam 2009 tổ chức vào ngày 23/09/2009).

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước trong tiến trình đổi mới đang có những biến đổi to lớn và tăng tốc mạnh mẽ, đòi hỏi ngành Công nghệ thông tin và Truyền thông với tư cách ngành hạ tầng kinh tế - xã hội cần phải đi trước, chuyển nhanh sang giai đoạn cất cánh, phát triển mạnh hơn, với chất lượng ngày càng cao hơn, vượt qua nguy cơ tụt hậu, tận dụng cơ hội vươn ra biển lớn, bắt kịp các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Một trong những định hướng cơ bản của Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 ("*Chiến lược Cất cánh*") là *Hạ tầng Bru chính Viễn thông và Công nghệ thông tin* đạt các chỉ tiêu về mức độ sử dụng dịch vụ *trương đương với mức bình quân của các nước công nghiệp phát triển*, đa dạng các loại hình dịch vụ, bắt kịp xu thế hội tụ công nghệ và dịch vụ Viễn thông - Công nghệ thông tin - Truyền thông, hình thành hệ thống mạng tích hợp theo công nghệ thế hệ mới, băng thông rộng, dung lượng lớn, mọi nơi, mọi lúc với mọi thiết bị truy cập, đáp ứng nhu cầu ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông, rút ngắn khoảng cách số, bảo đảm tốt an ninh, quốc phòng.

Điều này cho thấy mức độ quan tâm đầu tư của Nhà nước đối với ngành Bru chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, yêu cầu hạ tầng cơ sở ngày càng phát triển. Để đáp ứng nhu cầu thay thế và chuyển đổi công nghệ băng thông rộng, dung lượng lớn, Vĩnh Khánh đã nghiên cứu và sản xuất được cáp mạng LAN đạt chuẩn truyền dẫn Cat 6 (350 Mbps), tiếp tục nghiên cứu công nghệ sản xuất cáp mạng LAN Cat 7, cáp quang và các loại cáp phức hợp tốc độ truyền dẫn cao. Nhu cầu thay thế và sử dụng các thiết bị, công nghệ truyền dẫn tốc độ cao sẽ tạo động lực phát triển cho ngành cáp viễn thông của Vĩnh Khánh.

10. Chính sách đối với người lao động**10.1. Số lượng người lao động trong Công ty****Bảng 17: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm tháng 03/2016**

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân loại theo trình độ	258	100
Cán bộ có trình độ trên đại học	2	0,78
Cán bộ có trình độ đại học	34	13,18
Cán bộ có trình độ cao đẳng	13	5,04
Cán bộ có trình độ trung cấp, sơ cấp	14	5,43
Cán bộ có trình độ phổ thông	195	75,58
II. Phân loại theo chức năng	258	100
Lao động trực tiếp	143	55,43
Lao động gián tiếp	115	44,57

*(Nguồn: VKC)***10.2. Chính sách với người lao động****❖ Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo các quy định như:

Thời gian làm việc: 8h/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc trong một môi trường đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi. Cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động. Đối với công nhân làm việc trong khu vực độc hại được Công ty hỗ trợ phụ cấp độc hại.

❖ Chính sách tuyển dụng

Tùy theo từng vị trí tuyển dụng và căn cứ vào chức danh công việc, Công ty có yêu cầu riêng về tiêu chuẩn, điều kiện, trình độ chuyên môn, tay nghề, kinh nghiệm và theo Quy trình tuyển dụng đã ban hành.

❖ Chính sách đào tạo

Công ty duy trì thường xuyên các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho khối cán bộ quản lý.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục được tổ chức để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Đối với các nhân viên được quy hoạch sẽ được cử tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao các kiến thức về quản lý và kỹ thuật liên quan theo từng vị trí công việc. Ngoài ra, Công ty cũng mời những chuyên gia trong ngành đến để hướng dẫn về quy trình cũng như vận hành các máy móc thiết bị có công nghệ mới, để tăng cường kiến thức cũng như tay nghề cho nhân viên.

Bên cạnh việc đào tạo để nâng cao tay nghề, công nhân còn được đào tạo các kiến thức về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy, nhằm đảm bảo nguyên tắc an toàn là trên hết.

❖ Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty áp dụng phương án trả lương theo thực tế công việc được giao, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, vị trí công việc nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao, đảm bảo chính sách lương, thưởng xứng đáng và công bằng với cống hiến chất xám.

Ngoài các chế độ thưởng cuối năm, Công ty còn áp dụng các chính sách thưởng sáng kiến, thưởng kinh doanh hàng tháng, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đặc biệt, Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng Chính sách thu hút và giữ chân nhân tài lâu dài và có hiệu quả nhất là tạo môi trường làm việc tốt, thoải mái, ổn định và tin cậy. Thực tế qua cuộc khảo sát quan điểm của CBNV Vĩnh Khánh năm 2015 cho thấy 79% người lao động trong Công ty hài lòng với môi trường làm việc của Vĩnh Khánh, cho rằng đó là một môi trường làm việc hợp tác, thân thiện, thoải mái, có tinh thần trách nhiệm, công nhân viên được đối xử công bằng, tin cậy và có được sự linh hoạt để sáng tạo trong công việc. Yếu tố môi trường làm việc tác động gần 40% đến mức độ hài lòng của người lao động khi làm việc tại Vĩnh Khánh.

Ngoài ra, để thu hút nhân tài gắn bó, Công ty còn áp dụng chính sách thăng tiến linh hoạt. Việc áp dụng chế độ tuyển dụng nội bộ và đào tạo bổ sung để tạo điều kiện cho người lao động trong Công ty có được một “Career Building”, một môi trường làm việc rộng mở để người lao động thể hiện và chứng minh năng lực của mình thực sự đã góp phần thu hút và giữ chân người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2015 tăng 5% so với năm trước, đạt 6,3 triệu đồng/người/tháng.

Bảng 18: Chính sách lương thưởng và phúc lợi của VKC

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tổng chi phí lương và thưởng cả năm (đồng)	17.875.834.478	23.189.073.221
Số lượng lao động bình quân trong kỳ (người)	212	258
Thu nhập bình quân mỗi tháng (đồng)	6.000.000	6.300.000

(Nguồn: VKC)

10.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Nhằm ghi nhận sự đóng góp và gắn kết của người lao động với Công ty, thúc đẩy nhân viên nỗ lực phấn đấu vì sự phát triển của Công ty, khuyến khích nhân viên làm việc lâu dài với Công ty, ngoài các khoản lương, thưởng, phúc lợi, những CBNV có thành tích đóng góp cho sự phát triển của Công ty và thâm niên làm việc lâu dài được mua cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 150 NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 ngày 29/04/2016 đã thông qua phương án phát hành 600.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2016. Phương án này dự kiến sẽ được triển khai vào Quý IV/2016.

11. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông.

Tình hình chi trả cổ tức hai năm gần nhất của Công ty như sau:

Bảng 19: Tình hình chi trả cổ tức hai năm gần nhất

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Phương thức chia cổ tức
2014	10%	Chia cổ tức bằng tiền mặt (đã được chấp thuận theo Nghị quyết số 128 NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2015 của ĐHĐCĐ ngày 18/04/2015)
2015	15%	Chia cổ tức bằng tiền mặt (đã được chấp thuận theo Nghị quyết số 150 NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 của ĐHĐCĐ ngày 29/04/2016). Việc chia cổ tức này tính đến thời điểm 31/05/2016 vẫn chưa thực hiện và Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp để thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật.

(Nguồn: VKC)

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 20: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty

TT	Nguồn vốn	31/12/2014	31/12/2015	% tăng giảm năm 2015/ 2014	31/03/2016
1	Vốn điều lệ	130.000.000.000	130.000.000.000	-	130.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-

TT	Nguồn vốn	31/12/2014	31/12/2015	% tăng giảm năm 2015/ 2014	31/03/2016
3	Các quỹ	12.787.455.118	13.924.626.068	8,89	13.924.626.068
4	LNST chưa phân phối	19.936.985.454	26.179.856.200	31,31	36.208.121.230

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

❖ **Trích khấu hao TSCĐ**

Công ty tính khấu hao TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo giá gốc và tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác 06 năm

❖ **Mức lương bình quân**

Bảng 21: Mức lương bình quân hai năm gần nhất

Năm	2014	2015
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.000.000	6.300.000

(Nguồn: VKC)

So với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn, mức lương hiện tại của VKC tương đối cao. Do công ty đã xây dựng quy trình trả lương theo sản phẩm nhằm tăng năng suất, hiệu quả lao động nên doanh thu càng tăng, người lao động sẽ nhận thêm được phần giá trị gia tăng.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Thực hiện theo chủ trương của HĐQT, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

Bảng 22: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	Quý I/2016
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.352.292.654	4.584.810.425	5.877.781.572
2	Thuế thu nhập cá nhân	54.740.927	31.729.664	23.578.408
3	Thuế nhập khẩu	506.540.809	-	-
4	Thuế GTGT hàng bán	-	-	-
5	Thuế khác	213.613.368	-	-
	Tổng cộng	2.127.187.758	4.616.540.089	5.901.359.980

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Việc thực hiện trích lập các quỹ đã được Công ty thực hiện tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và mức trích lập các quỹ hằng năm đều được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

Bảng 23: Chi tiết các quỹ Công ty

Đơn vị: Đồng

Nội dung	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
Quỹ đầu tư phát triển	12.787.455.118	13.924.626.068	13.924.626.068
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.685.808.249	2.063.235.335	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

❖ **Tổng dư nợ vay**

Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty không có các khoản nợ vay quá hạn.

Bảng 24: Chi tiết số dư các khoản vay Công ty

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
I	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	228.900.162.437	227.620.576.650	255.615.238.732
1	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM	32.117.154.696	24.612.619.900	27.436.855.820
2	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	27.161.812.050	29.920.575.600	32.777.632.509
3	Ngân hàng Liên doanh Shinhan	19.319.243.763	14.138.016.200	24.31.675.000

	Vina – Chi nhánh Bình Dương			
4	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương	47.703.983.254	28.117.517.582	32.386.391.153
5	Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Tp.HCM	40.216.558.646	55.854.495.500	49.284821.300
6	Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Tp.HCM	33.192.237.100	44.124.658.468	44.861.278.000
7	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Đồng Nai	17.969.340.128	29.972.562.400	21.443.293.300
8	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tp.HCM	6.054.462.700	-	-
9	Ngân hàng TNHH United Overseas – Chi nhánh Tp.HCM	5.165.370.100	-	22.457.829.900
10	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	869.949.000	579.966.000
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	1.667.402.247	1.667.402.247
1	Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	-	1.667.402.247	1.667.402.247

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- **Các khoản phải thu**

Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu Công ty

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
1	Phải thu khách hàng (*)	141.786.256.209	134.731.865.138	172.607.062.907
2	Trả trước cho người bán	12.023.448.258	17.799.067.318	21.912.000.957
3	Các khoản phải thu khác	7.708.851.931	3.687.140.731	5.741.907.610
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(4.524.917.564)	(5.160.328.273)	(5.160.328.273.)
	Tổng	156.993.638.834	151.057.744.914	195.100.643.201

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

(*) Chi tiết các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2015

Bảng 26: Chi tiết các khoản phải thu khách hàng Công ty

STT	Khách hàng	31/12/2015 (Đồng)
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Viễn thông FPT	31.484.172.500
2	Trung tâm cung ứng vật tư – Viễn thông Tp. Hồ Chí Minh	12.302.388.219
3	Công ty TNHH Vĩnh Khanh	5.964.658.008
4	Viễn thông Đồng Tháp	4.883.890.000
5	CTCP TM Xây lắp Thái Bình Dương VN	2.688.200.698
6	Viễn thông Tây Ninh	2.178.000.000
7	Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Nguyễn	1.755.878.070
8	Đối tượng khác	73.474.677.643
Tổng		134.731.865.138

(Nguồn: VKC)

- Các khoản phải trả

Bảng 27: Chi tiết các khoản phải trả Công ty

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
1	Phải trả người bán (*)	141.005.784.022	163.471.781.081	118.291.015.460
2	Người mua trả tiền trước	1.045.753.206	1.632.550.672	1.484.684.288
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.127.187.758	4.616.540.089	5.901.359.980
4	Phải trả người lao động	2.297.110.135	2.884.991.187	2.044.768.328
5	Chi phí phải trả	468.637.104	581.017.982	4.581.017.982
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	770.305.156	557.249.470

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 và BCTC Quý I/2016)

(*) Chi tiết Các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2015:

Đơn vị: Đồng

STT	Nhà cung cấp	31/12/2015
1	Công ty TNHH CN Cao Su Chính Tân VN	112.653.316.900
2	Công ty TNHH Quốc tế Maxxis	19.259.472.226
3	Công ty TNHH Nhựa TEP	13.130.329.530
4	Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất Phú Mỹ	2.696.100.000
5	Các nhà cung cấp khác	15.732.562.425
	Tổng cộng	163.471.781.081

(Nguồn: VKC)

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 28: Các chỉ tiêu tài chính**

Các chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	lần	1,15	1,12
Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	lần	0,64	0,66
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,97	70,44
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	233,04	238,27
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	163,80	189,00
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	4,32	5,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	1,34	2,15
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,05	13,61
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân(ROA)	%	2,20	4,06
Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,64	2,83
Thu nhập trên cổ phần (EPS)		700	1.394

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015)

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**13.1. Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên
3	Ông Phạm Linh	Thành viên
4	Ông Hoàng Văn Quyền	Thành viên
5	Ông Lin Yu Hsing	Thành viên

❖ Ông Lâm Quy Chương – Chủ tịch HĐQT

Họ tên	LÂM QUY CHƯƠNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/02/1953
Nơi sinh	Tiền Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khu phố Đông Chiêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Bình Dương
CMND	281167053
Điện thoại liên hệ	(84-650) 3751501
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
- 1993 – nay	<i>Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	3.648.602 cổ phiếu
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	<i>3.648.602 cổ phiếu, chiếm 28,06% vốn điều lệ</i>
- Được ủy quyền đại diện	<i>0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty 5.500.000.000 đồng

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Nguyễn Thoại Hồng – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên **NGUYỄN THOẠI HỒNG**

Giới tính Nam

Ngày tháng năm sinh 20/05/1963

Nơi sinh Tiền Giang

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú 186/80 Vườn Lài, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

CMND 023502423

Điện thoại 0918009588

Trình độ chuyên môn Tiến sĩ Kinh tế

Chức vụ hiện nay Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

Quá trình công tác

- 1997 – 1998 Công ty cổ phần Kigimex
- 1998 – 2005 Công ty cổ phần Kigimex và Công ty cổ phần Tín Nghĩa
- 2005 – 2006 Công ty cổ phần Tín Nghĩa
- 2008 – nay Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 7.580 cổ phiếu chiếm 0,06% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 7.580 cổ phiếu, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan 0 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Phạm Linh – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên	PHẠM LINH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/10/1974
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	4A/4/40 Đường 304, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
CMND	022947142
Điện thoại	(84-650) 3751501
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh
Quá trình công tác	
- 03/1996 – 06/2003	<i>Trưởng bộ phận quản lý tín dụng tại Ngân hàng United Overseas Bank, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>
- 06/2003 – 07/2007	<i>Giám đốc kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>
- 08/2007 – 12/2009	<i>Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam</i>
- 12/2009 - 2014	<i>Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Đông</i>
- 06/2014 – đến nay	<i>Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á</i>
- 06/2014 – đến nay	<i>Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh</i>
- 04/2009 – đến nay	<i>Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	<i>0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ</i>
- Được ủy quyền đại diện	<i>0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Thù lao thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Hoàng Văn Quyền – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên **HOÀNG VĂN QUYỀN**
Giới tính Nam
Ngày tháng năm sinh 15/02/1945
Nơi sinh Campuchia
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 733 Cách Mạng Tháng 8. Phường 6, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
CMND 020083639
Điện thoại (84-650) 3751501
Trình độ chuyên môn Kỹ sư kinh tế bưu điện
Chức vụ hiện nay Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không
Quá trình công tác
- 1975 – 1993 *Công tác tại Bưu điện TP. Hồ Chí Minh*
- 1993 – 2005 *Phó Giám đốc Bưu điện TP. Hồ Chí Minh*
- 2005 – đến nay *Nghỉ hưu*
- 04/2014 – đến nay *Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh*
Hành vi vi phạm pháp luật Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 12.000 cổ phiếu chiếm 0,09% vốn điều lệ
Trong đó:
- Sở hữu cá nhân *12.000 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ*
- Được ủy quyền đại diện *0 cổ phiếu, chiếm % vốn điều lệ*
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan 0 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Thù lao thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Lin Yu Hsing – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên	LIN YUHSING
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19/10/1979
Nơi sinh	Đài Loan
Quốc tịch	Đài Loan
Địa chỉ thường trú	12, Lane 41, Kugun Rd, Taipei, Taiwan
Passport	305134284
Điện thoại	(84-650) 3751501
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Vĩnh Đại
Quá trình công tác	
- 2008 - 2012	<i>Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cáp Nhựa Vĩnh Khánh</i>
- 2014 - đến nay	<i>Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Vĩnh Đại</i>
- 04/2015 - đến nay	<i>Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phiếu
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	2.576.000 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Ủy viên HĐQT
3	Ông Võ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
4	Ông Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng
5	Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Thư ký Công ty / Người được ủy quyền Công bố thông tin

❖ Ông Lâm Quy Chương – Tổng Giám đốc: SYLL như trên

❖ Ông Nguyễn Thoại Hồng – Phó Tổng Giám đốc: SYLL như trên

❖ Ông Võ Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên **VÕ ANH TUẤN**

Giới tính Nam

Ngày tháng năm sinh 21/11/1978

Nơi sinh Vĩnh Long

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú 1/6/9/7 đường 11, phường Linh Xuân, Thủ Đức, Hồ Chí Minh

CMND 025377125

Điện thoại 0915058239

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay Phó TGD

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

Quá trình công tác

- 2007 – đến nay Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan 0 cổ phiếu.

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ **Ông Dương Minh Hòa – Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên **DƯƠNG MINH HÒA**

Giới tính Nam

Ngày tháng năm sinh 10/12/1978

Nơi sinh Quảng Ngãi

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú 111/15/12/9 Lê Đình Cẩn, Khu phố 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

CMND 025437681

Điện thoại 0918256439

Trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính kế toán

Chức vụ hiện nay Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

Quá trình công tác

- 1998 – 2006 Công ty Cổ Phần Đường Quảng Ngãi
- 2006 – 2008 Công ty Cổ phần Địa Ốc Cáp Điện Thịnh Phát
- 2008 – đến nay Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,07% vốn điều lệ.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,07% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan 0 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Lương Minh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên	LƯƠNG MINH TUẤN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	17/02/1986
Nơi sinh	Đồng Nai
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	108/6 Cộng Hòa, phường 4, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
CMND	023798081
Điện thoại	0932630036
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Chức vụ hiện nay	Phó TGD kiêm Thư ký Công ty và Người được ủy quyền công bố thông tin
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
- 2008 – 2010	<i>Công ty cổ phần chứng khoán Thành Công</i>
- 2010 – 2011	<i>Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế VN</i>
- 2011 – đến nay	<i>Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.3. Kế toán trưởng**❖ Ông Dương Minh Hòa – Kế toán trưởng: SYLL như trên**

13.4. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Lê Minh Chi	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Ban kiểm soát

❖ Ông Lê Minh Chi – Trưởng Ban kiểm soát:

Họ tên	LÊ MINH CHI
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/07/1961
Nơi sinh	Phan Thiết, Bình Thuận
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	521/25A Cách Mạng tháng 8, phường 13 quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
CMND	024201525
Điện thoại	0913916009
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
- 1997 – 1998	<i>Kế toán trưởng Công ty TNHH T&H và New North South</i>
- 1998 – 2005	<i>Giám đốc điều hành Công ty TNHH Châu Thới</i>
- 2005 – 2006	<i>Giám đốc điều hành Công ty TNHH Châu Thới</i>
- 2006 – 2008	<i>Giám đốc điều hành Công ty TNHH Châu Thới, Giám đốc tài chính Công ty TNHH Thịnh Phát</i>
- 2008 – đến nay	<i>Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh cho đến nay</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	1.000 cổ phiếu, chiếm 0,008% vốn điều lệ.
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	1.000 cổ phiếu, chiếm 0,008% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác đối với Công ty	Thù lao Trưởng Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Ông Hà Anh Tuấn - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	HÀ ANH TUẤN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/11/1949
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	47/9 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
CMND	024646248
Điện thoại	0903630856
Trình độ chuyên môn	Cử nhân ngân hàng
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
- 1975 – 1987	<i>Trưởng phó phòng chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh An giang</i>
- 1987 – 1989	<i>Phó giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý tỉnh An Giang</i>
- 1989 – 1990	<i>Giám đốc Công ty Dịch vụ du lịch thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang</i>
- 1990 – 1991	<i>Phó ban Quản lý dự án nhà đất tỉnh An Giang</i>
- 1991 – 2000	<i>Phó ban Quản lý dự án nhà đất tỉnh An giang kiêm Trưởng ban trụ bị Ngân hàng Đồng bằng sông Cửu Long</i>
- 2000 – 2001	<i>Giám đốc phát triển thị trường Công ty An Phú</i>
- 2001 – 2003	<i>Phó giám đốc Công ty cổ phần Hiệp Tân</i>
- 2006 – đến nay	<i>Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	500 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	500 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao Thành viên Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Ông Võ Thiên Chương - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	VÕ THIÊN CHƯƠNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	26/01/1980
Nơi sinh	Tiền Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	26/2A Trần Quang Diệu, phường 13, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
CMND	023168771
Điện thoại	0903001533
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Trang
Quá trình công tác	
2003 – 2007	<i>Trợ lý kiểm toán, Kế toán trưởng Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A</i>
2007 – 2013	<i>Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Việt Nam – CN Thành phố Hồ Chí Minh</i>
2013 – đến nay	<i>Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh</i>
2015 – đến nay	<i>Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Trang</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Trong đó:	
<i>Sở hữu cá nhân</i>	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
<i>Được ủy quyền đại diện</i>	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao Thành viên Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 29: Tình hình tài sản của Công ty 31/12/2015

Đơn vị: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	258.243.693.617	157.254.766.342	100.988.927.275
Máy móc thiết bị	214.406.224.266	139.445.476.276	74.960.747.990
Nhà cửa, vật kiến trúc	28.822.158.640	9.250.686.136	19.571.472.504
Phương tiện vận tải	13.472.234.829	7.723.645.244	5.748.589.585
Thiết bị dụng cụ quản lý	960.690.728	729.805.810	230.884.918
Khác	582.385.154	105.152.879	477.232.275
2. Tài sản cố định vô hình	7.097.402.879	3.666.921.327	3.430.481.552
Quyền sử dụng đất (*)	6.628.429.473	3.326.499.482	3.301.929.991
Bản quyền, phần mềm	468.973.406	340.421.845	128.551.561

(Nguồn: VKC)

Bảng 30: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty:

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức	Thời hạn thuê đất	Hồ sơ pháp lý	Đơn vị quản lý
1	Xã Bình An, huyện Dĩ An, Bình Dương	13.485,8	Giao đất	Đến ngày 08/10/2053	Giấy chứng nhận QSDĐ số BA 179285 cấp ngày 07/06/2010	UBND Tỉnh Bình Dương
2	Xã Bình An, huyện Dĩ An, Bình Dương	6.457	Giao đất	Đến ngày 05/12/2045	Giấy chứng nhận QSDĐ số AL 527855 cấp ngày 28/01/2010	UBND Tỉnh Bình Dương
3	Xã Bình An, huyện Dĩ An, Bình Dương	9.507,2	Thuê đất	20 năm	Giấy chứng nhận QSDĐ số T751759 cấp ngày 06/08/2003	UBND Tỉnh Bình Dương
4	KCN Bình Minh – Vĩnh Long	2.180	Thuê đất	Đến ngày 08/09/2056	HĐ số 19/2014 HĐTD-BM ngày 06/05/2014	Ban quản lý KCN Bình Minh

(Nguồn: VKC)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 31: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2016

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015 (tỷ đồng)	Năm 2016	
		Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng giảm so với năm 2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.055,9	1.210,4	14,63%
Lợi nhuận sau thuế	22,7	44,3	95,15%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,15%	3,64%	69,30%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,32%	34%	200%
Cổ tức	15%	15%	0

(Nguồn: VKC)

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2015, Công ty đã đề ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2016 dựa trên những cơ sở sau:

Đa dạng sản phẩm: Công ty chú trọng mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm có tính đến hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao, tăng cường chủ động khai thác khách hàng. Các mặt hàng của Công ty cũng ngày càng đa dạng hơn gồm các sản phẩm bobin nhựa dùng trong chứa dây cáp, dây điện, tấm nhựa PE dùng trong xây dựng công nghiệp, sản phẩm nhựa ép phun, các chủng loại cáp mới,...

Nâng cấp và phát triển công nghệ: Nâng cấp công nghệ, đầu tư thiết bị phù hợp với từng thời kỳ phát triển. Trong năm qua, Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh đã tích cực đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển, cử chuyên gia đi đào tạo tại nước ngoài để cho ra những sản phẩm mới, mang tính đột phá và định hướng mở rộng thị trường, ngành hàng cho các năm sau. Bên cạnh những sản phẩm truyền thống, công ty sẽ chủ động nghiên cứu thêm nhiều sản phẩm công nghệ cao mang tính chiến lược nhằm nâng tính cạnh tranh cũng như chủ động đa dạng hóa các sản phẩm so với hiện tại.

Tăng cường quản lý nhân sự: Cấu trúc lại bộ máy chuyên nghiệp, thiết lập hệ thống kiểm soát hiệu quả. Thiết lập hệ thống trả lương; Đánh giá năng lực, tuyển dụng, bố trí “đúng người, đúng việc”, đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Thiết lập hệ thống giao mục tiêu, đánh giá và trả lương theo kết quả công việc, để tạo động lực làm việc.

Kiểm soát chi phí: Tập trung kiểm soát tài chính đảm bảo cân đối dòng tiền trong sản xuất kinh doanh. Tận dụng tối đa lợi thế bán hàng, áp dụng chính sách công nợ linh hoạt cho từng khách hàng.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà công ty đề ra trong năm tài chính 2016 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 150/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 và Tờ trình số 02/2016/TTr-VKC-HĐQT, toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán sẽ được đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

7.000.000 cổ phiếu

4. Giá chào bán

12.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

❖ Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2015:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành}} = \frac{170.104.482.268}{13.000.000} = \mathbf{13.085 \text{ đồng}}$$

❖ Giá thị trường bình quân của cổ phiếu VKC (từ ngày 08/03/2016 đến 19/04/2016) là: **13.243 đồng/cổ phiếu.**

Ngày	Giá đóng cửa	Ngày	Giá đóng cửa	Ngày	Giá đóng cửa
19/04/2016	14.900	04/04/2016	12.800	21/03/2016	12.500
15/04/2016	14.800	01/04/2016	13.000	18/03/2016	12.200
14/04/2016	14.900	31/03/2016	12.800	17/03/2016	12.000
13/04/2016	14.800	30/03/2016	13.300	16/03/2016	11.500
12/04/2016	15.100	29/03/2016	12.400	15/03/2016	11.600
11/04/2016	15.300	28/03/2016	12.700	14/03/2016	11.700
08/04/2016	14.900	25/03/2016	12.700	11/03/2016	12.000
07/04/2016	14.100	24/03/2016	13.200	10/03/2016	12.400
06/04/2016	14.800	23/03/2016	13.200	09/03/2016	12.500
05/04/2016	13.500	22/03/2016	13.300	08/03/2016	12.400

(Nguồn: HNX)

Căn cứ vào giá trị sổ sách, tình hình thị trường chung và các yếu tố khác ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán, Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên 2016, HĐQT Công ty quyết định giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 12.000 đồng/cổ phần.

6. Phương thức phân phối

Đây là đợt phát hành có bảo lãnh theo hình thức cam kết chắc chắn theo Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu ngày 02/06/2016 và bản Thỏa thuận sửa đổi bổ sung cam kết ngày 03/06/2016 giữa Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, do đó phương thức phân phối sẽ thực hiện như sau:

Phát hành 7.000.000 cổ phần, tương ứng giá trị theo mệnh giá là 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 13:7. Tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, mỗi cổ đông Công ty sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền mua cổ phần, 13 quyền mua cổ phần được mua 07 cổ phần phát hành thêm.

Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua:

- Cổ phiếu phát hành cho Cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 345 cổ phiếu, sẽ được hưởng 345 quyền mua. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm cổ đông A được mua như sau: $(345/13) \times 7 = 185,77$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà Cổ đông A được quyền mua là 185 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu lẻ và cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được HĐQT quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện hợp lý với giá không thấp hơn giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 150NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 ngày 29/04/2016.
- Sau khi hết thời hạn đăng ký mua cổ phần cho các nhà đầu tư khác mà vẫn không phân phối được số cổ phiếu chào bán thì số cổ phiếu còn lại sẽ được Tổ chức bảo lãnh mua cổ phiếu này theo Cam kết bảo lãnh đã ký kết với Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh. Tổ chức bảo lãnh sẽ thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu được bảo lãnh trong vòng 15 ngày làm việc sau khi Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cáp Nhựa Vĩnh Khánh có Nghị quyết về việc xử lý cổ phiếu còn lại không phân phối hết.

Bảo lãnh phát hành: Sau khi cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết và các nhà đầu tư khác cũng không thực hiện mua hết số cổ phiếu của đợt phát hành, thì số cổ phiếu còn lại sẽ được phân phối theo phương thức bảo lãnh phát hành với cách thức như sau:

- Tổng số cổ phiếu cam kết bảo lãnh: 7.000.000 cổ phiếu (Bảy triệu cổ phiếu)
- Mức giá bảo lãnh phát hành: 12.000 đồng (Mười hai nghìn đồng)/cổ phiếu, tương ứng với Tổng giá trị bảo lãnh phát hành là 84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng).
- Trường hợp Bên bảo lãnh phải thực hiện mua cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết theo Cam Kết Bảo Lãnh Phát Hành thì Bên bảo lãnh sẽ thực hiện chuyển tiền mua số cổ phiếu này bằng chuyển khoản vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán do Bên được bảo lãnh mở tại Ngân hàng thương mại tại mục V.13 của Bản cáo bạch này. Thời hạn thanh toán là trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc sau khi

Bên được bảo lãnh có Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc xử lý cổ phiếu còn lại không phân phối hết và Bên được bảo lãnh đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán Phí bảo lãnh phát hành cho Bên bảo lãnh.

Điều kiện hủy bỏ đợt chào bán: Trong mọi trường hợp Công ty sẽ không hủy bỏ đợt phát hành này.

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền. Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên bị chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng, Công ty sẽ thực hiện phân phối cổ phiếu trong vòng 90 ngày theo đúng quy định.

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến:

STT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
1	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng	T	VKC
2	Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định	T+1	VKC
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm	T+1	VKC, VSD, HNX
4	Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông	T+11	VSD
5	Gửi danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho thành viên lưu ký	T+21	VSD
6	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	T+25 đến T+45	Cổ đông
7	Gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền cho tổ chức phát hành	T+52	VSD
8	Phân bổ số cổ phiếu không đăng ký mua hết (nếu có)	T+52 đến T+55	VKC
9	Báo cáo kết quả phát hành	T+57	VKC
10	UBCKNN thông báo kết quả chào bán	T+60	UBCKNN
11	Thực hiện và hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung	T+61 đến 70	VKC

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua: Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Đăng ký mua cổ phiếu và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông đăng ký mua cổ phiếu và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh, số 854 Quốc Lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Phương thức thanh toán: Tiền mua cổ phần sẽ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo hướng dẫn tại nơi đăng ký mua cổ phiếu.

Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HNX và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: Người mua cổ phiếu sẽ được hưởng các quyền lợi như các cổ đông phổ thông khác của VCOM kể từ ngày được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông. Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: Không hạn chế số lượng đặt mua tối thiểu, cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua được quyền đặt mua từ 01 cổ phiếu đến số lượng cổ phiếu tối đa được quyền mua.

9. Phương thức thực hiện quyền

VCOM thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần. Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Do là doanh nghiệp đại chúng đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu VKC của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán, trong đó qui định:

“ - Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.
- Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;
- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;
- Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại các trường hợp trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Căn cứ danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia⁶. Trong các ngành, nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh đang hoạt động tương ứng có hai ngành, nghề kinh doanh có điều kiện là (i) Kinh doanh khoáng sản và (ii) Kinh doanh hóa chất trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học”. Do hai ngành nghề kinh doanh có điều kiện trên chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài nên tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh là 49%. Cụ thể:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
1	Bán buôn kim loại và quặng kim loại.	4662	Kinh doanh khoáng sản
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn Bột màu công nghiệp, hoá chất cơ bản (Trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).	4669	Kinh doanh hóa chất trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Số lượng cổ phiếu của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh tại thời điểm 31/03/2016 là 3.924.510 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 30,19% số lượng cổ phiếu đang lưu hành).

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

Số cổ phần còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác (nếu có) được phân phối cho các Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo đúng quy định, trừ số lượng cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn và số lượng cổ phần mà đơn vị có chức năng nhận bảo lãnh phát hành và phân phối cho các nhà đầu tư sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

⁶www.dangkykinhdoanh.gov.vn

12. Các loại thuế có liên quan

12.1. Đối với Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% kể từ ngày 01/01/2016.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

12.2. Đối với nhà đầu tư

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Thông tư 111/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 15/08/2013, sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thuế thu nhập cá nhân được xác định như sau:

- ❖ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - ✓ Đối với nhà đầu tư là cá nhân cư trú: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
 - ✓ Đối với nhà đầu tư là cá nhân không cư trú: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0.1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng, không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài. Tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng là giá chuyển nhượng và không trừ bất kỳ khoản chi phí nào kể cả giá vốn.
- ❖ Thu nhập từ cổ tức:
 - ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- ✓ Tổ chức trong nước: Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua của chứng khoán chuyển nhượng và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là khoản thu nhập khác của doanh nghiệp và có thuế suất bằng với thuế suất thuế TNDN.
- ✓ Tổ chức nước ngoài có hoặc không có cơ sở kinh doanh tại Việt Nam: Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng chứng khoán là tổng doanh thu bán chứng khoán tại thời điểm chuyển nhượng. Thuế suất từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên doanh thu tính thuế.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa:

Số tài khoản : 0411001033726

Mở tại : Vietcombank - Chi nhánh Nam Bình Dương

Tên người thụ hưởng : Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**1. Mục đích chào bán**

Theo Tờ trình số 02/2016/TTr-VKC-HĐQT ngày 29/04/2016 về phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 150 NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 ngày 29/04/2016 của Công ty, tổng số tiền thu được dự kiến cho đợt phát hành là 84.000.000.000 đồng được dùng để thực hiện cho các mục đích sau:

STT	Nhu cầu sử dụng vốn	Thời điểm giải ngân (dự kiến)	Tổng mức đầu tư (đồng)
I	Xây dựng Kho lưu trữ vỏ xe	Quý 3/2016	9.000.000.000
II	Cải tạo, sửa chữa Xưởng Cáp và Xưởng Nhựa	Quý 3/2016	22.500.000.000
III	Bổ sung vốn lưu động, trong đó:		52.500.000.000
1.	Thanh toán khoản nợ vay từ các Hợp đồng vay ngắn hạn	Quý 2,3/2016	42.500.000.000
2.	Mua nguyên vật liệu để sản xuất các sản phẩm kinh doanh của Công ty như cáp quang, cáp đồng, cáp LAN, ống nhựa, bobin, Hộp ODF, và các sản phẩm khác.	Quý 3,4/2016	10.000.000.000
	TỔNG CỘNG		84.000.000.000

(Nguồn: VKC)

2. Phương án khả thi**2.1. Thông tin về phương án Xây dựng kho lưu trữ vỏ xe**

- Kế hoạch đầu tư: Xây dựng Kho lưu trữ vỏ xe
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
- Diện tích kho: 1.500 m²
- Thời gian thực hiện: dự kiến Quý 3/2016
- Tổ chức tư vấn, thiết kế, xây dựng: Công ty TNHH Đồ Gỗ Mộc Dương Gia

- Mục tiêu xây dựng: nâng cấp kho lưu trữ, hiện đại hoá hệ thống xuất hàng, giảm nhân công xuất hàng, tăng thời gian luân chuyển vỏ xe
- Công suất lưu trữ: 60.000 vỏ xe các loại
- Địa điểm xây dựng: Số 854 Quốc lộ 1K, Châu Thới, Bình An, Dĩ An, Bình Dương, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số T751759 cấp ngày 06/08/2003.
- Tổng mức đầu tư dự án: 9.000.000.000 đồng (Chín tỷ đồng), bao gồm:

STT	Khoản mục	Giá trị đầu tư (chưa VAT) (đồng)
1	Chi phí thi công, lắp đặt, xây dựng nhà kho	8.100.000.000
2	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước, PCCC	700.000.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư, giám sát xây dựng	100.000.000
4	Chi phí dự phòng	100.000.000
	Tổng mức đầu tư	9.000.000.000

(Nguồn: VKC)

2.2. Thông tin về phương án Cải tạo, sửa chữa Xưởng Cáp và Xưởng Nhựa

- Kế hoạch đầu tư: Cải tạo, sửa chữa Xưởng Cáp và Xưởng Nhựa
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
- Thời gian thực hiện: dự kiến Quý 3/2016
- Mục tiêu cải tạo, sửa chữa: nâng cấp hệ thống máy móc, thiết bị xưởng cáp và xưởng nhựa; cải tạo nhà xưởng nhằm tận dụng diện tích vận hành và hình thành quy trình sản xuất khép kín, tiết kiệm thời gian, nâng cao năng xuất.
- Công suất sản xuất chi tiết sau nâng cấp
 - Xưởng cáp: 30.000 km dây các loại/tháng
 - Xưởng nhựa: 500 tấn nhựa/tháng
- Địa điểm xây dựng: 854 Quốc lộ 1K, Châu Thới, Bình An, Dĩ An, Bình Dương, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 179285 cấp ngày 07/06/2010 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 527855 cấp ngày 28/01/2010.
- Tổng mức đầu tư dự án: 22.500.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng), bao gồm:

STT	Khoản mục	Đơn vị tính	Giá trị đầu tư (đồng)	
			USD	VND
I	Chi phí cải tạo, sửa chữa Xưởng Cáp và Xưởng Nhựa (chưa VAT)		80.000	1.808.000.000

BẢN CÁO BẠCH - Công ty cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh

1	Sửa chữa xưởng cáp và xưởng nhựa		50.000	1.130.000.000
2	Sửa chữa xưởng gia công cáp Lan và cáp quang		30.000	678.000.000
II	Chi phí đầu tư máy móc xưởng cáp		360.200	7.899.760.000
1	Chuyên máy bọc liên hoàn Kobeco (Kobeco Cable Wrap Lin)	Cái	123.200	2.685.760.000
2	Máy kéo thép (DRAWING Machine with closing Equipment WIRE MM : 0.45mm)	Cái	21.000	462.000.000
3	Máy kéo thép (DRAWING Machine with closing Equipment IRON SPOOL: 0.7MM)	Cái	25.000	550.000.000
4	Máy ép phun hộp ODF (ODF Injection Molding)	Cái	150.000	3.300.000.000
5	Thiết bị làm dây nhảy quang + máy đo (Optical Patch Cord Material)	Bộ	41.000	902.000.000
III	Chi phí đầu tư máy móc xưởng nhựa		589.000	12.958.000.000
1	Bàn cưa + Băng kẹp PE 400 (Saw Blade + Table Clamp)	Bộ	54.000	1.188.000.000
2	Máy ép phun phụ kiện (Injection Molding +accessories)	Cái	150.000	3.300.000.000
3	Bộ khuôn phụ kiện từ 21 – 114 (Mould +Accessonries)	Bộ	90.000	1.980.000.000
4	Máy đùn tấm nhựa foam (Foam Extruding Machine)	Chuyên	200.000	4.400.000.000
5	Máy sản xuất ống PC (Double color PC Tube Extrsion line with accessories)	Chuyên	45.000	990.000.000
6	Máy Mixer 500/1000	Cái	50.000	1.100.000.000
	Tổng mức đầu tư		1.029.200	22.665.760.000

(Nguồn: VKC)

Chi phí cải tạo, sửa chữa Xưởng Cáp và Xưởng Nhựa với tổng mức đầu tư dự kiến là 22.665.760.000 đồng sẽ lấy từ nguồn vốn huy động từ đợt phát hành này là 22.500.000.000 đồng và chi phí còn lại lấy từ nguồn vốn kinh doanh của Công ty.

2.3. Thông tin về phương án bổ sung vốn lưu động

- ❖ Thanh toán khoản nợ vay từ các Hợp đồng vay ngắn hạn với chi phí 42.500.000.000 đồng, cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng vay	Mục đích vay	Số dư nợ tại ngày 31/03/2016	Giá trị giải ngân (đồng)
1	Hợp đồng tín dụng theo hạn mức 020BA16 ngày 25/01/2016	Bổ sung vốn lưu động	16.175.529.981	15.000.000.000
2	Hợp đồng tín dụng VNM 160366 ngày 09/05/2016	Bổ sung vốn lưu động	27.436.855.820	15.000.000.000
3	Hợp đồng tín dụng số MBB/HCMC/LO/2014/VCOM/01 ngày 06/08/2014, sửa đổi bởi Thư gia hạn số MBB/HCMC/LO/2015/VCOM/01 ngày 22/04/2015 và Thư gia hạn số MBB/HCMC/LO/2016/VCOM/01 ngày 19/04/2016	Bổ sung vốn lưu động	44.861.278.000	12.500.000.000
	Tổng cộng		88.473.663.801	42.500.000.000

(Nguồn: VKC)

- ❖ Mua nguyên vật liệu để sản xuất các sản phẩm kinh doanh của Công ty như cáp quang, cáp đồng, cáp LAN, ống nhựa, bobin, Hộp ODF, và các sản phẩm khác: chi phí 10.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

STT	Nguyên vật liệu	Số lượng (tấn)	Giá trị (đồng)
1	Thép 7x0.33mm (Galvanized Steel Strande Wire of 7/0.33mm), Dây thép bện mạ kẽm	144	4.658.000.000
2	Thép mạ phosphate (Phosphattized Steel Wire Dia 0.45mm)	96	2.786.000.000
3	Thép 1.2mm	60	1.200.000.000
4	Chất ổn định VH40	25	1.050.000.000
5	Chất va đập CPE135A	15	450.000.000
	Tổng cộng		10.144.000.000

(Nguồn: VKC)

Chi phí mua nguyên vật liệu dự kiến là 10.144.000.000 đồng sẽ lấy từ nguồn vốn huy động từ đợt phát hành này là 10.000.000.000 đồng và chi phí còn lại lấy từ nguồn vốn kinh doanh của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Căn cứ Tờ trình số 02/2016/TTr-VKC-HĐQT ngày 29/04/2016 về phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 150/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 ngày 29/04/2016
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 189/NQ/HĐQT/VCOM/16 ngày 02/06/2016 về việc thông qua Phương án chào bán chi tiết cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và Phương án sử dụng vốn thu được.

Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh cụ thể như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng vốn	Thời điểm giải ngân (dự kiến)	Tổng mức đầu tư (đồng)
I	Xây dựng Kho lưu trữ vỏ xe	Quý 3/2016	9.000.000.000
II	Cải tạo, sửa chữa Xưởng Cáp và Xưởng Nhựa	Quý 3/2016	22.500.000.000
III	Bổ sung vốn lưu động, trong đó:		52.500.000.000
1.	Thanh toán khoản nợ vay từ các Hợp đồng vay ngắn hạn	Quý 2,3/2016	42.500.000.000
2.	Mua nguyên vật liệu để sản xuất các sản phẩm kinh doanh của Công ty như cáp quang, cáp đồng, cáp LAN, ống nhựa, bobin, Hộp ODF, và các sản phẩm khác.	Quý 3,4/2016	10.000.000.000
	TỔNG CỘNG		84.000.000.000

(Nguồn: VKC)

Trong trường hợp Công ty không huy động đủ số vốn như dự kiến từ đợt chào bán thì HĐQT sẽ quyết định ưu tiên đầu tư xây dựng kho lưu trữ vỏ xe và cải tạo sửa chữa xưởng cáp hoặc giảm tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục nêu trên hoặc sử dụng các nguồn vốn huy động khác.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN**1. Đơn vị tư vấn và bảo lãnh phát hành:****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39724568

Fax: (84-4) 39724600

2. Đơn vị kiểm toán:**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHUẨN VIỆT**

Trụ sở chính: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3 9990091/97

Fax: (84-8) 3 9990090

IX. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT có một số nhận định như sau:

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 chỉ tăng 6,1% - mức tăng thấp so với năm trước. Tuy nhiên, TTCK Việt Nam vẫn được đánh giá là một điểm sáng so với những gì đã xảy ra với các quốc gia trong khu vực. Cổ phiếu của nhóm ngành sản xuất nhựa, dây cáp điện là nhóm cổ phiếu có ít sự biến động quá lớn cũng như thanh khoản ở mức vừa phải. Đối với cổ phiếu VKC, mức cổ tức được duy trì ổn định mức 10 - 15%/năm trong những năm gần đây đã khiến cổ phiếu này trở thành cổ phiếu hấp dẫn cho mục đích đầu tư trung hạn và dài hạn.

Năm 2016, sự ổn định và hồi phục của nền kinh tế Việt Nam là một trong những lý do rõ ràng nhất để kỳ vọng vào một kết quả tích cực cho TTCK. Bên cạnh đó, với các định chế tài chính hỗ trợ TTCK Việt Nam trong năm 2016 như: Chu kỳ thanh toán được rút ngắn, sự ra đời của chứng khoán phái sinh, chính sách nới room sở hữu nước ngoài, hành loạt các doanh nghiệp mới IPO, quy định về công bố thông tin nghiêm ngặt hơn và các quy định mới về giao dịch trong ngày là những điểm đáng mong chờ của năm 2016.

Từ năm 2009 đến nay, Công ty cũng đã duy trì số vốn điều lệ đã góp và thực hiện kinh doanh hiệu quả trên số vốn góp đó, đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận ấn tượng, theo đó doanh thu năm 2014 tăng trưởng 3,04% so với năm 2013, doanh thu năm 2015 tăng trưởng 24,75% so với năm 2014, trong khi đó lợi nhuận năm 2014 tăng 268,24% so với năm 2013 và lợi nhuận năm 2015 tăng 99,22% so với năm 2014. Nhận định được sự phát triển của thị trường, Công ty đã nhanh chóng bắt kịp các công nghệ mới và thay đổi chiến lược sản phẩm như chuyển từ sản xuất cáp đồng sang cáp quang, chuyển từ sản xuất nhựa kinh doanh sang phục vụ nội bộ, để tiết giảm chi phí và tận dụng tối ưu nguồn nguyên vật liệu sẵn có. Ngoài sự thay đổi cơ cấu sản phẩm, Công ty còn tích cực mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và ngoài nước như xuất khẩu đến sản phẩm cáp quang đến Nhật Bản, Philippin và tiếp đến mở rộng thị trường tiêu thụ đến Đức, Mexico, Hàn Quốc... Bên cạnh những sản phẩm truyền thống, Công ty cũng đã học hỏi kinh nghiệm từ các nước để nghiên cứu và sản xuất ra các sản phẩm mới với công nghệ cao mang tính cạnh tranh và đa dạng hóa sản phẩm như sản phẩm bobin nhựa dùng trong dây cáp, dây điện; tấm nhựa PE dùng trong xây dựng công nghiệp...

Đồng thời, đây là một đợt phát hành có bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do đó, tỷ lệ thành công sẽ gần như là tuyệt đối. Trong trường hợp cổ đông hiện hữu từ chối mua cổ phần, thì HĐQT sẽ phân phối cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu. Trong trường hợp không tìm được hoặc không có nhà đầu tư để phân phối số cổ phần không được đăng ký mua hết, đơn vị bảo lãnh phát hành sẽ thực hiện mua lại tất cả số cổ phần còn lại.

Với những nhận định trên, tổ chức tư vấn tin tưởng đợt phát hành sẽ thành công theo đúng kế hoạch của tổ chức phát hành.

X. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 2. Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu
- 3. Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
- 4. Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, 2015 và Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2016
- 5. Phụ lục V:** Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư (nếu có)
- 6. Tài liệu khác.**

BẢN CÁO BẠCH - Công ty cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh

Ngày 04 tháng 07 năm 2016
**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lâm Quy Chương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Dương Minh Hòa

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Lê Minh Chi

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN & BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hoàng Giang

